**Báo cáo**

**Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng**

**Xã Phong Hải, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế**

**MỤC LỤC**

[A. Giới thiệu chung 4](#_Toc519939133)

[1. Vị trí địa lý 4](#_Toc519939134)

[2. Đặc điểm địa hình 4](#_Toc519939135)

[3. Đặc điểm thời tiết khí hậu 4](#_Toc519939136)

[4. Xu hướng thiên tai, khí hậu 5](#_Toc519939137)

[5. Phân bố dân cư, dân số 5](#_Toc519939138)

[6. Hiện trạng sử dụng đất đai 6](#_Toc519939139)

[7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế 7](#_Toc519939140)

[B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã 7](#_Toc519939141)

[1. Lịch sử thiên tai 7](#_Toc519939142)

[2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH 8](#_Toc519939143)

[3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH 9](#_Toc519939144)

[4. Đối tượng dễ bị tổn thương 9](#_Toc519939145)

[5. Hạ tầng công cộng 9](#_Toc519939146)

[a) Điện 9](#_Toc519939147)

[b) Đường và cầu cống 9](#_Toc519939148)

[c) Trường 10](#_Toc519939149)

[d) Cơ sở Y tế 10](#_Toc519939150)

[e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa 11](#_Toc519939151)

[f) Chợ 11](#_Toc519939152)

[6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè) 11](#_Toc519939153)

[7. Nhà ở 12](#_Toc519939154)

[8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường 12](#_Toc519939155)

[9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến 13](#_Toc519939156)

[10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý 13](#_Toc519939157)

[11. Hoạt động sản xuất kinh doanh 13](#_Toc519939158)

[12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm 14](#_Toc519939159)

[13. Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH 15](#_Toc519939160)

[14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác 16](#_Toc519939161)

[15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TƯBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ) 16](#_Toc519939162)

[C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã 17](#_Toc519939163)

[1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng 17](#_Toc519939164)

[2. Hạ tầng công cộng 18](#_Toc519939165)

[3. Công trình thủy lợi 19](#_Toc519939166)

[4. Nhà ở 19](#_Toc519939167)

[5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường 20](#_Toc519939168)

[6. Y tế và quản lý dịch bệnh 21](#_Toc519939169)

[7. Giáo dục 22](#_Toc519939170)

[8. Rừng 22](#_Toc519939171)

[9. Trồng trọt 23](#_Toc519939172)

[10. Chăn nuôi 24](#_Toc519939173)

[11. Thủy Sản 24](#_Toc519939174)

[12. Du lịch 25](#_Toc519939175)

[13. Buôn bán và dịch vụ khác 26](#_Toc519939176)

[14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm 27](#_Toc519939177)

[15. Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH 27](#_Toc519939178)

[16. Giới trong PCTT và BĐKH 28](#_Toc519939179)

[17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác 29](#_Toc519939180)

[D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp 29](#_Toc519939181)

[1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH 29](#_Toc519939182)

[2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH 30](#_Toc519939183)

[3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã 31](#_Toc519939184)

[4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã 31](#_Toc519939185)

[E. Phụ lục 31](#_Toc519939186)

[1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá 31](#_Toc519939187)

[2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn 32](#_Toc519939188)

[3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá 32](#_Toc519939189)

[Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai 33](#_Toc519939190)

# **Giới thiệu chung**

*Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đối khí hậu đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần củng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.*

*Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.*

*Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).*

*Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và Lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)*

**1. Vị trí địa lý**

Phong Hải là xã thuộc vùng biển, huyện [Phong Điền](https://vi.wikipedia.org/wiki/Phong_%C4%90i%E1%BB%81n,_Th%E1%BB%ABa_Thi%C3%AAn-Hu%E1%BA%BF), [Thừa Thiên Huế](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%ABa_Thi%C3%AAn_-_Hu%E1%BA%BF), cách thành phố [Huế](https://vi.wikipedia.org/wiki/Hu%E1%BA%BF) khoảng 45 km về hướng Đông Bắc; Dân số: 5254 người.

Tổng diện tích: 546.8 ha

Loại đơn vị hành chính: Loại I

+ Phía Đông giáp Biển Đông.

+ Phía Tây giáp xã Điền Hải.

+ Phía Nam giáp xã Quảng Ngạn, huyện Quảng Điền.

+ Phía Bắc giáp xã Điền Hòa.

**2. Đặc điểm địa lý:**

Phong Hải là một xã nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Thừa Thiên Huế; xã có địa hình khá phức tạp với bờ biển dài 6 km.

Dân cư của xã sống phân bố chưa đồng đều giữa các khu vực; Toàn xã có khu vực vùng ven biển cao có 5 thôn Hải Thế, Hải Thành, Hải Nhuận, Hải Phú, Hải Đông.

## **Đặc điểm thời tiết khí hậu**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ số về thời tiết khí hậu** | **ĐVT** | **Giá trị** | **Tháng xảy ra** | **Dự báo BĐKH của Thừa Thiên Huế năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (\*)** |
| 1 | Nhiệt độ trung bình | Độ C | 25 |  | Tăng 1,9oC |
| 2 | Nhiệt độ cao nhất | Độ C | 38-39 | T5-T7 | Tăng thêm khoảng 1,3-2,6oC |
| 3 | Nhiệt độ thấp nhất | Độ C | 19-20 | T11-T12 | Tăng thêm/Giảm khoảng 1,6-1,8oC |
| 4 | Lượng mưa Trung binh | mm | 580-795 | T10-T11 | Tăng thêm khoảng 18,6 mm |
| *(\*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật* | | | | | |

## **Xu hướng thiên tai, khí hậu**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương** | **Giảm** | **Giữ nguyên** | **Tăng lên** | **Dự báo BĐKH của Quảng Ngãi năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (\*)** |
| 1 | Xu hướng hạn hán |  |  | X | Nắng nóng kéo dài, nhiệt độ tăng vào t6 đến T8 |
| 2 | Xu hướng bão |  |  | X | Bất ngờ, ngày càng mạnh,15 đến 16 cơn năm |
| 3 | Xu hướng lũ |  |  | X | Bất ngờ, lớn nhanh vào ban đêm, ngày càng mạnh |
| 4 | Số ngày rét đậm |  | X | X | Nhày trong đợt tang, T12 đến Tháng 01 năm sau |
| 5 | Mực nước biển tại các trạm hải văn |  |  | X | Tăng 25cm |
| 6 | Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão |  |  | X |  |
| *(\*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật* | | | | | |  |  |  |  | Giông, lốc, sét, sạt lở bờ biển tăng |

## **Phân bố dân cư, dân số**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thôn** | **Số hộ** | **Số hộ phụ nữ làm chủ hộ** | **Số khẩu** | | | **Hộ nghèo** | **Hộ cận nghèo** |
| **Tổng** | **Nữ** | **Nam** |
| 1 | Hải Thế | 214 | 52 | 1031 | 490 | 541 | 5 | 25 |
| 2 | Hải Thành | 334 | 70 | 1418 | 698 | 710 | 6 | 22 |
| 3 | Hải Nhuận | 280 | 63 | 1081 | 530 | 550 | 5 | 15 |
| 4 | Hải Phú | 180 | 58 | 785 | 385 | 400 | 5 | 12 |
| 5 | Hải Đông | 223 | 51 | 936 | 452 | 484 | 4 | 16 |
| **Tổng số** | | **1231** | **294** | **5254** | **2555** | **2699** | **25** | **90** |

## **Hiện trạng sử dụng đất đai**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại đất (ha)** | **Số lượng (ha)** |
| **I** | **Tổng diện tích đất tự nhiên** | 546,08 |
| **1** | **Nhóm đất Nông nghiệp** | 0 |
| **1.1** | **Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp** | 0 |
| *1.1.1* | *Đất lúa nước* | 0 |
| *1.1.2* | *Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)* | 0 |
| *1.1.3* | *Đất trồng cây hàng năm khác* | 0 |
| *1.1.4* | *Đất trồng cây lâu năm* | 0 |
| **1.2** | **Diện tích Đất lâm nghiệp** | 190,79 |
| *1.2.1* | *Đất rừng sản xuất* | 149,7 |
| *1.2.2* | *Đất rừng phòng hộ* | 41,09 |
| *1.2.3* | *Đất rừng đặc dụng* | 0 |
| **1.3** | **Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản** | 104,5 |
| **1.3.1** | *Diện tích thủy sản nước ngọt* | 0 |
| **1.3.2** | *Diện tích thủy sản nước mặn/lợ* | 45,5 |
| **1.3.3** | Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản chưa sử dụng | 59 ha |
| **1.4** | **Đất làm muối** | 0 |
| **1.5** | **Diện tích Đất nông nghiệp khác**  *(Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)* | 0 |
| **2** | **Nhóm đất phi nông nghiệp** | 250,79 |
| **3** | **Diện tích Đất chưa Sử dụng** | 0 |
|  | **Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng**   * Đất nông nghiệp , lâm nghiệp 14% * Đất ở 5% |  |

## **Đặc điểm và cơ cấu kinh tế**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại hình sản xuất** | **Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)** | **Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)** | **Năng suất lao động bình quân/hộ** | **Tỉ lệ phụ nữ tham gia chính** |
| 1 | Chăn nuôi | 5 | 118 | 12,5 triệu/năm | 90% |
| 2 | Nuôi trồng thủy sản | 40,83 | 43 | 400 triêu/(ha) | 10% |
| 3 | Đánh bắt hải sản | 20,50 | 293 | 120 (tấn)/năm | 0% |
| 4 | Sản xuất tiểu thủ công nghiệp) | 14,5 | 21 | 15 triệu/năm | 5% |
| 5 | Buôn bán | 9,8 | 175 | 67 triệu/năm | 98% |
| 6 | Ngành nghề khác- Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v | 10,2 |  | 96(triệu VND/năm) | 50% |

# **Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã**

## **Lịch sử thiên tai**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng/năm xảy ra** | **Loại thiên tai** | **Số thôn bị ảnh hưởng** | **Tên thôn** | **Thiệt hại chính** | **Số lượng** | | |
| 1985 | **Bão** | 5/5 | **Hải Thế**  **Hải Thành**  **Hải Nhuận**  **Hải Phú**  **Hải Đông** | Số người chết/mất tích: | Nam | Nữ |
| Số người bị thương: | 0 | 0 |
| Số nhà bị thiệt hại: | 70% |  |
| Số trường học bị thiệt hại: | 03 |  |
| Số trạm y tế bị thiệt hại: | 01 |  |
| Số ha rừng bị thiệt hại: | 95% |  |
| Các thiệt hại khác…: | 0 |  |
| Ước tính thiệt hại kinh tế: |  |  |
| 1999 | Nước biển dâng | 5/5 | **Hải Thế**  **Hải Thành**  **Hải Nhuận**  **Hải Phú**  **Hải Đông** | Số nhà bị thiệt hại: | 7 |  |
| Số km đường bị thiệt hại: | 0,3  km |  |
| 2017 | **Sạt lở bờ biển** | 3/5 | **Hải Thế, Hải Phú**  **Hải Đông** | Số nhà bị thiệt hại: | 01 |  |
| Số km đường bị thiệt hại: | 0,1 |  |
| Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: | 15 ha |  |
| Các thiệt hại khác  + Cổng chào  + Hệ thống thoát nước | 01  0,2 km |  |
| Ước tính thiệt hại kinh tế: |  |  |
| 2012 | **Lốc xoáy** | 1/5 | **Hải Đông** | Số nhà bị thiệt hại: | 07 |  |
| Các thiệt hại khác | 0 |  |
| Ước tính thiệt hại kinh tế: |  |  |

## **Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến[[1]](#footnote-1)** | **Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai** | **Mức độ thiên tai**  **hiện tai**  **(Cao/Trung Bình/Thấp)** | **Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050**  **(Tăng, Giảm, Giữ nguyên)** | **Mức độ thiên tai**  **theo kịch bản**  **(Cao/Trung Bình/Thấp)** |
| 1 | Bão | Hải Thế | Cao | tăng | Cao |
| Hải Thành | Cao | tăng | Cao |
| Hải Nhuận | Cao | tăng | Cao |
| Hải Phú | Cao | tăng | Cao |
| Hải Đông | Cao | tăng | Cao |
| 2 | Nước dâng | Hải Thế | Cao | Tăng | Cao |
| Hải Thành | Cao | Tăng | Cao |
| Hải Nhuận | Cao | Tăng | Cao |
| Hải Phú | Cao | Tăng | Cao |
| Hải Đông | Cao | Tăng | Cao |
| 3 | Sạt lở đất | Hải Thế | cao | Tăng | Cao |
| Hải Thành | TB | Tăng | Cao |
| Hải Nhuận | TB | Tăng | Cao |
| Hải Phú | cao | Tăng | Cao |
| Hải Đông | cao | Tăng | Cao |

**Nhận xét**

Phong Hải nằm trên một gò cát cao, cả 5 thôn đều sát biển, 100% người dân không sản xuất nông nghiệp

Các loại hình thiên tai xảy ra ở địa phương chủ yếu là bão, áp thấp nhiệt đới, nước biển dâng, sạt lở, nắng nóng, rét hại, lốc

Do ảnh hưởng của BĐKH, trong 10 năm qua nước biển dâng cao hơn (trên 3m) gây ra xâm thực biển sâu vào đất liền 150m làm cho nhiều hộ dân mất đất ở.

## **Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH**

## **Đối tượng dễ bị tổn thương**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thôn** | **Đối tượng dễ bị tổn thương** | | | | | | | | | | | | | | |
| Trẻ em dưới 5 tuổi | | Trẻ em từ 5-18 tuổi | | Phụ nữ có thai\* | Người cao tuổi | | Người khuyết tật | | Người bị bệnh hiểm nghèo | | Người nghèo | | Người dân tộc thiểu số | |
| Nữ | Tổng | Nữ | Tổng | Nữ | Tổng | Nữ | Tổng | Nữ | Tổng | Nữ | Tổng | Nữ | Tổng |
| 1 | Hải Thế | 24 | 51 | 121 | 250 | 12 | 42 | 80 | 9 | 20 | 1 | 2 | 8 | 18 | 0 | 0 |
| 2 | Hải Thành | 34 | 70 | 169 | 351 | 20 | 64 | 120 | 17 | 35 | 2 | 3 | 10 | 21 | 0 | 0 |
| 3 | Hải Nhuận | 31 | 65 | 145 | 293 | 14 | 75 | 148 | 17 | 39 | 2 | 5 | 8 | 17 | 0 | 0 |
| 4 | Hải Phú | 19 | 40 | 81 | 165 | 9 | 31 | 60 | 4 | 6 | 0 | 2 | 9 | 19 | 0 | 0 |
| 5 | Hải Đông | 22 | 47 | 88 | 181 | 12 | 38 | 75 | 3 | 7 | 1 | 1 | 7 | 15 | 0 | 0 |
|  |  | 130 | 273 | 604 | 1240 | 67 | 250 | 483 | 50 | 107 | 6 | 13 | 42 | 90 | 0 | 0 |

## **Hạ tầng công cộng**

### **Điện**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hệ thống điện** | **Thôn** | **Năm xây dựng** | **Đơn vị tính** | **Hiện trạng** | | |
| Kiên cố | Chưa kiên cố |
|  | Cột điện | Hải Thế |  | Cột | 52 | 0 |
|  | Dây diện |  |  | Km | 2,1 | 0 |
|  | Trạm điện |  |  | Trạm | 03 | 0 |
|  | Cột điện | Hải Thành |  | Cột | 40 | 0 |
|  | Dây diện |  |  | Km | 2 | 0 |
|  | Trạm điện |  |  | Trạm | 01 | 0 |
|  | Cột điện | Hải Nhuân |  | Cột | 4,5 | 0 |
|  | Dây diện |  |  | Km | 2,30 | 0 |
|  | Trạm điện |  |  | Trạm | 01 | 0 |
|  | Cột điện | Hải Phú |  | Cột | 41 | 0 |
|  | Dây diện |  |  | Km | 2,3 | 0 |
|  | Trạm điện |  |  | Trạm | 01 | 0 |
|  | Cột điện | Hải Đông |  | Cột | 48 | 0 |
|  | Dây diện |  |  | Km | 245 | 0 |
|  | Trạm điện |  |  | Trạm | 04 | 0 |

### **Đường và cầu cống**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đường, Cầu cống** | **Thôn** | **Năm xây dựng** | **Đơn vị** | **Hiện trạng** | | | |
| Nhựa | Bê Tông | Đất |
|  | **Đường** |  |  |  |  |  |  |
|  | Đường quốc lộ |  |  | Km | 0 | 0 | 0 |
|  | Đường tỉnh lộ 22 |  |  | Km | 0 | 0,653 | 1,150 |
|  | Đường liên xã |  | 2007 đến 2011 | Km | 0 | 5,732 | 0 |
|  | Đường thôn và xóm |  | 2007 đến 2017 | Km | 0 | 6,984 | 0,180 |
|  |  | Thôn Hải Thế |  | Km | 0 | 1,866 | 0 |
|  |  | Hải Thành |  | Km | 0 | 1,580 | 0 |
|  |  | Hải Nhuận |  | Km | 0 | 1,267 | 0 |
|  |  | Hải Phú |  | Km | 0 | 1,186 | 0 |
|  |  | Hải Đông |  | km | 0 | 1,085 | 0,180 |
|  | Đường nội đồng nuôi tôm |  |  | km |  | 0,852 | 770 |
|  | **Cầu, Cống** |  |  |  | Kiên cố | Yếu/không đảm bảo tiêu thoát | Tạm |
|  | Cầu giao thông | Hải Thế |  | cái | 0 | 0 | 0 |
|  | Cống giao thông |  |  | cái | 0 | 01 | 0 |
|  | Cầu giao thông | Hải Thành |  | cái | 0 | 0 | 0 |
|  | Cống giao thông |  |  | cái | 03 | 02 | 0 |
|  | Cầu giao thông | Hải Nhuận |  | cái | 0 | 0 | 0 |
|  | Cống giao thông |  |  | cái | 0 | 0 | 0 |
|  | Cầu giao thông | Hải Phú |  | cái | 0 | 0 | 0 |
|  | Cống giao thông |  |  | cái | 0 | 02 | 0 |
|  | Cầu giao thông | Hải Đông |  | cái | 0 | 0 | 0 |
|  | Cống giao thông |  |  | cái | 02 | 03 | 0 |

### **Trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Trường** | **Thôn[[2]](#footnote-2)** | **Năm xây dựng** | **Số phòng** | **Hiện trạng** | | | |
| Kiên cố | Bán  kiên cố | Tạm |
|  | Mầm non[[3]](#footnote-3) | Hải Thành | 2010 | 8 | 8 | 0 | 0 |
|  | Trường tiểu học | Hải Nhuận | 2012 | 18 | 18 | 0 | 0 |
|  | Trường THCS | Hải Phú | 2008 | 20 | 20 | 0 | 0 |

### **Cơ sở Y tế**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Cơ sở Y tế** | **Thôn** | **Năm xây dựng** | **Số Giường** | **Số phòng** | **Hiện trạng** | | | |
|  | Kiên cố | Bán  kiên cố | Tạm |
| 1 | Trạm y tế | Hải Nhuận | 2010 | 9 | 12 | 12 | 0 | 0 |

### **Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Trụ sở** | **Thôn** | | **Năm xây dựng** | **Đơn vị** | | **Hiện trạng** | | | | | |
| Kiên cố | | Bán kiên cố | | Tạm | |
|  | Trụ Sở UBND |  | |  | Phòng | | 19 | | 0 | | 0 | |
|  | Nhà văn hóa xã |  | |  | Cái | | 01 | | 0 | | 0 | |
|  | Nhà văn hóa thôn | Hải Thế | | 2007 | Cái | | 0 | | 01 | | 0 | |
|  |  | Hải Thành | | 2007 | cái | | 0 | | 01 | | 0 | |
|  |  | Hải Nhuận | | 2008 | cái | | 0 | | 01 | | 0 | |
|  |  | Hải Phú | | 2008 | cái | | 0 | | 01 | | 0 | |
|  |  | Hải Đông | | 2007 | cái | | 0 | | 01 | | 0 | |
| **TT** | **Chợ** | **Thôn** | **Năm xây dựng** | | | **Đơn vị** | **Hiện trạng** | | | | |
| Kiên cố | Bán kiên cố | | Tạm | |
|  | Chợ huyện/xã | Hải Đông | 2007 | | | Cái | 0 | 01 | | 0 | |

## **Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục** | **Đơn vị** | **Năm xây dựng** | **Số lượng** | | |
| Kiên cố | Bán  kiên cố | Chưa kiên cố (không an toàn) |
|  | Đê | km |  | 0 | 0 | 0 |
|  | Kè biển | Km |  | 07( đã xuống cấp nghiêm trọng) | 0 | 0 |
|  | Kênh mương | Km |  | 1,00 |  | 3,4 |
|  | Cống thủy lợi | Cái |  | 0 | 0 | 0 |
|  | Đập thủy lợi | Cái |  | 0 | 0 | 0 |
|  | Trạm bơm | Cái |  | 0 | 0 | 0 |
|  | Ông dẫn cấp và thoát nước cho các đồng tôm | Km |  | 0 | 3,5 |  |

## 

## **Nhận xét**

Là xã phi nông ngiệp nên các kênh mương ở xã đều là các hệ thống tiêu thoát nước khu dân cư và các đồng nuôi tôm, hiện tại hầu hết đã xuống cấp

Các kè ven biển đã xây dựng từ rất lâu, đều đã hư hỏng

Hệ thống kênh mương đều được xây dựng trên nền cát không được xử lý tốt nên khi mưa lớn, cát bị sói chảy- sụt lún, nên các mương dễ bị sập

## **Nhà ở**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thôn** | **Số hộ** | **Nhà kiên cố** | **Nhà bán kiên cố** | **Nhà thiếu kiên cố** | **Nhà đơn sơ** |
| 1 | Hải Thế | 214 | 100 | 50 | 20 | 01 |
| 2 | Hải Thành | 334 | 261 | 12 | 0 | 2 |
| 3 | Hải Nhuận | 280 | 122 | 50 | 20 | 0 |
| 4 | Hải Phú | 180 | 123 | 54 | 0 | 3 |
| 5 | Hải Đông | 223 | 183 | 10 | 0 | 0 |
|  | **Tổng** | 1231 | 789 | 176 | 40 | 06 |

## Số hộ đông nhưng số nhà ít hơn rất nhiều so với số hộ vì sau khi tách hộ, các hộ này vẫn ở chung cùng bố mẹ hoặc đi làm ăn xa

## **Nước sạch, vệ sinh và môi trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thôn** | **Số hộ** | **Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt** | | | | | **Số hộ sử dụng nhà vệ sinh** | | |
| **Giếng**  **(đào/**  **khoan)** | **Nước máy** | **Trạm cấp nước công cộng** | **Tự chảy** | **Bể chứa nước** | **Hợp vệ sinh**  **(tự hoại, bán tự hoại)** | **Tạm** | **Không có** |
| 1 | Hải Thế | 214 | 100 | 100 | 0 | 0 | 0 | 100 | 0 | 0 |
| 2 | Hải Thành | 334 | 275 | 275 | 0 | 0 | 0 | 275 | 0 | 0 |
| 3 | Hải Nhuận | 280 | 122 | 122 | 0 | 0 | 0 | 122 | 0 | 0 |
| 4 | Hải Phú | 180 | 160 | 160 | 0 | 0 | 0 | 160 | 0 | 0 |
| 5 | Hải Đông | 223 | 183 | 183 | 0 | 0 | 0 | 183 | 0 | 0 |
|  | **Tổng** | 1231 | 789 | 789 | 0 | 0 | 0 | 789 | 0 | 0 |

## **Hiện trạng dịch bệnh phổ biến**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại dịch bệnh phổ biến** | **Trẻ em** | **Phụ nữ** | **Nam giới** | **Người cao tuổi** | **Người khuyết tật** |
|  | Sốt rét | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Sốt xuất huyết | 46 | 25 | 29 | 2 | 1 |
|  | Viêm đường hô hấp | 270 | 12 | 15 | 45 | 2 |
|  | Tay chân miệng | 245 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Số ca bệnh phụ khoa (thường do đk nước sạch và vệ sinh không đảm bảo) | 12 | 63 |  | 0 | 0 |

## **Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại rừng** | **Năm trồng rừng** | **Thôn** | **Tổng diện tích (ha)** | **Tỷ lệ thành rừng** | **Các loại cây được trồng bản địa** | **Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng** | **Diện tích do dân làm chủ rừng** |
|  | Rừng ngập mặn | 0 | Toàn xã | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Rừng trên cát   * Rừng sản xuất * Rừng phòng hộ | Hàng năm | Toàn xã | 149,7  41,09 | X  X | Keo lá tràm  Phi lao | Lấy gỗ | 149,7  41,09 |
|  | Rừng tự nhiên | 0 | Toàn xã | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng | 0 | Toàn xã | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng | 0 | Toàn xã | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Rừng khác | 0 | Toàn xã | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng | 0 |  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Rừng khác | 0 |  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

## **Hoạt động sản xuất kinh doanh**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hoạt động sản xuất kinh doanh** | **Đơn vị tính** | **Thôn** | **Số hộ tham gia** | **Tỷ lệ nữ** | **Đặc điểm sản xuất kinh doanh** | |
|  | Tiềm năng phát triển (\*) | Tỷ lệ (%) thiệt hại (\*\*) |
| 1 | Chăn nuôi   * Gia súc * Gia cầm | Con  25 | Hải Thế | 15 | 90% | Cầm chừng | Trung bình |
| Thủy Hải Sản Đánh bắt   * Người dân đi biển * Tàu thuyền gần bờ | Hộ  10 thuyền | 30 | 0% | Đang vượng dậy sau sự cố fomosa | Cao |
| Thủy hải sản Nuôi trồng   * Bãi nuôi * Ao, hồ nuôi | 11ha | 9 | 10% | Đang vượng dậy sau sự cố fomosa | Cao |
| Buôn bán và dịch vụ khác |  | 70 | 98% | Giữ nguyên | Trung bình thấp |
|  | Trồng trọt   * Lúa * Hoa màu * Cây lâu năm * Cây hàng năm * Cây ăn quả | Ha | Hải Thành | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Chăn nuôi   * Gia súc bò   Lợn   * Gia cầm | Con  40  10 | 18 | 90 | Giữ nguyên | Trung bình |
|  | Thủy Hải Sản Đánh bắt   * Người dân đi biển * Tàu thuyền gần bờ | 30 thuyền | 90 | 0 | Đang vượng dậy sau sự cố fomosa | Cao |
|  | Buôn bán và dịch vụ khác |  | 22 | 97% | Giữ nguyên | Trung bình thấp |
|  | Trồng trọt   * Lúa * Hoa màu * Cây lâu năm * Cây hàng năm * Cây ăn quả | Ha | Hải Nhuận  21  0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Chăn nuôi   * Gia súc bò     Lợn | 20 Con  80 con | 30 | 98% | Giữ nguyên | Trung bình |
|  | Thủy Hải Sản Đánh bắt   * Người dân đi biển * Tàu thuyền gần bờ | Hộ  7thuyền |  | 0 | Đang vượng dậysau sự cố fomosa | Cao |
|  | Thủy hải sản Nuôi trồng   * Bãi nuôi * Ao, hồ nuôi | 4,5Ha   * Ha | 5 | 10 | Đang vượng dậysau sự cố fomosa | Cao |
|  | Du lịch   * Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn * Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống | Điểm/khách sạn  Điểm/trung tâm | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Buôn bán và dịch vụ khác |  | 31 | 94% | Giữ nguyên | Trung bình thấp |
|  | Trồng trọt   * Lúa * Hoa màu * Cây lâu năm * Cây hàng năm * Cây ăn quả | Ha | Hải Phú | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Chăn nuôi   * Gia súc bò   Lợn   * Gia cầm | C**o**n  12  25  120 | 29 | 90 | Giữ nguyên | Trung bình |
|  | Thủy Hải Sản Đánh bắt   * Người dân đi biển * Tàu thuyền gần bờ | Hộ  15 thuyền | 45 | 0 | Đang vượng dậysau sự cố fomosa | Cao |
|  | Thủy hải sản Nuôi trồng   * Bãi nuôi * Ao, hồ nuôi | 0  7ha | 4 | 10 | Đang vượng dậysau sự cố fomosa | Cao |
|  | Du lịch   * Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn * Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống | Điểm/khách sạn  Điểm/trung tâm | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Buôn bán và dịch vụ khác |  | 45 | 98 | Giữ nguyên | Trung bình thấp |
|  | Trồng trọt   * Lúa * Hoa màu * Cây lâu năm * Cây hàng năm * Cây ăn quả | Ha | Hải Đông | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Chăn nuôi   * Gia súc bò * Lợn * Gia cầm | Con  4  24 | 6 | 97 | Giữ nguyên | Trung bình |
|  | Thủy Hải Sản Đánh bắt   * Người dân đi biển * Tàu thuyền gần bờ | người  16 thuyền | 48 | 0 | Đang vượng dậy sau sự cố fomosa | Cao |
|  | Thủy hải sản Nuôi trồng   * Bãi nuôi * Ao, hồ nuôi | 25,5  Ha | 25 | 10 | Đang vượng dậy sau sự cố fomosa | Cao |
|  | Du lịch   * Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn * Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống | Điểm/khách sạn  Điểm/trung tâm | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Buôn bán và dịch vụ khác |  | 7 | 97 | Giữ nguyên | Trung bình thấp |

## **Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại hình** | **ĐVT** | **Số lượng** | **Địa bàn Thôn** |
| 1 | Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh | % | 100 | Toàn xã |
| 2 | Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh | % | 30 | Toàn xã |
| 3 | Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới) | Loa | 10 | Toàn xã |
| 4 | Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh bảo sớm/khẩn cấp khác (còi ủ, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn | % | 100 | Toàn xã |
| 5 | Số trạm khí tượng, thủy văn | Trạm | 0 | Toàn xã |
| 6 | Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu) | Hộ | 100 | Toàn xã |
| 7 | Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin | Hộ | 95 | Toàn xã |

## **Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại hình** | **ĐVT** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
| 1 | Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm | Thôn | 05 | Hải Thế, Hải Thành, Hải Nhuận, Hải phú, Hải Đông |
| 2 | Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm | Trường | 03 | Mầm non, Tiểu học, THCS |
| 3 | Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã | Lần | 2 | Cấp xã |
| 4 | Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã | Người | 27 |  |
|  | * Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì | Người | 2 | Phụ trách hậu cần, tài chính, cứu trợ |
|  | * Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCĐ hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu | Người | 2 | Cán bộ xã |
| 5 | Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã | Người | 75 | Hải Thế, Hải Thành, Hải Nhuận, Hải phú, Hải Đông |
|  | * Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì | Người | 10 | Phụ trách tuyên truyền, vận động, SCC |
| 6 | Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TƯBĐKH dựa vào cộng đồng | Người | 15 | Toàn xã |
|  | * Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì | Người | 8 | Toàn xã |
| 7 | Số lượng Phương tiện PCTT tại xã: |  |  |  |
|  | * Xuồng máy | Chiếc | 01 | Xã quản lý |
|  | * Ghe, thuyền: | Chiếc | 12 | Xã quản lý và chuẩn |
|  | * Áo phao | Chiếc | 20 | Xã quản lý |
|  | * Loa | Chiếc | 10 | Xã quản lý |
|  | * Đèn pin | Chiếc | 100 | Xã quản lý |
| 8 | * Máy phát điện dự phòng | Chiếc | 03 | 01 cái của xã và 2 cái khu vực đồng tôm |
|  | * Lều bạt | Chiếc | 01 | Xã quản lý |
|  | * Xe vận tải | Chiếc | 04 | Xã quản lý và hợp đồng |
| 9 | Số lượng vật tư thiết bị dự phòng |  |  |  |
|  | * Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ * Hóa chất phòng dịch cho tôm | Đơn vị  kg | 4kg  3000 | Xã quản lý |
| 10 | Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ | Đơn vị | 02 cơ số | Trạm y tế quản lý |
| 11 | Khác:  + Cưa máy 01 cái  + Cưốc xẻng, rìu, búa, cúp vv...(trong nhân dân)  + Mỳ ăn liền 100 thùng,  + Lương khô 20 thùng  + Gạo 03 tấn  + Nước uống đóng chai 30 thùng  + Dầu diezen 50 lít  + Dầu hỏa 50 lít  + Xăng 50 lít… |  |  | Xã quản lý |

## **Các lĩnh vực/ngành then chốt khác không**

## **Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TƯBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ** | **Thôn**  **Hải Thế** | **Thôn**  **Hải Thành** | **Thôn**  **Hải Nhuận** | **Thôn**  **Hải Phú** | **Thôn**  **Hải Đông** | **Khả năng của xã**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| 1 | Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục) | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình |
| 2 | Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình |
|  | * Điện | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình |
|  | * Đường và cầu cống | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình |
|  | * Trường | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình |
|  | * Trạm | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình |
|  | * Trụ sở UBND, Nhà Văn hóa | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình |
|  | * Chợ | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình |
| 3 | Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình |
| 4 | Kỹ năng và kiến thức chằng chống nhà cửa | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình |
| 5 | Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình |
| 6 | Khả năng kiểm soát dịch bênh của đơn vị y tế  Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân | Cao  TB | Cao  TB | Cao  TB | Cao  TB | Cao  TB | Cao  TB |
| 7 | Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý | Tốt | Tốt | Tốt | Tốt | Tốt | Tốt |
| 8 | Hoạt động sản xuất kinh doanh | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình |
| 9 | Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình |
|  | **Khả năng của thôn**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình |

# **Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã**

## **Rủi ro với dân cư và cộng đồng**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Bão | | | | | | |
| *1* | Hải Thế | 214 | **VC**  - Nhà thiếu kiên cố 20 cái  - 01 nhà tạm bợ  - 10 chuồng trại đơn sơ  - 27 nhà ở sát mép biển  - 10 thuyền nan đánh bắt trên biển, phương tiện không an toàn, không có bảo hộ , không có máy bộ đàm liên lạc với đất liền  - Hệ thống truyền thanh xuống cấp  - Thiếu nơi neo đậu thuyền ghe an toàn  **TCXH**  - Toàn thôn có 443 đối tượng dễ bị tổn thương, 04 đối tượng neo đơn trong vùng nguy cơ cao khi có bão mạnh.  **NT,KN**  - Nhiều hộ còn chủ quan và thiếu kiến thức và kỹ năng PCTT  - Một số người dân còn có tư tưởng ỷ lại, trông chờ, không thực hiện lệnh sơ tán | **VC**  **-**Có 100 nhà kiên cố  - 96% nhà có gian trú bão  Có rừng phòng hộ ven biển  - 1005 nhà cấp 4 đã được chằng chống  - Chuẩn bị lương thực, thực phẩm khi bước vào mùa mưa bão  **TCXH**  - Nhiều hộ đã chủ động chằng chống nhà  - Có kế hoach, phương án PCTT  - Có tiểu ban PCTT cấp thôn  - Có đội xung kích 15 người  - Có lực lương y tế thôn 01 người  - Có lực lượng dân quân và an ninh thôn  **NT, KN**  - Người dân có tinh thần hỗ trợ giúp đỡ nhau  - Ngư dân đi biển có nhiều kinh nghiệm và không đi biển khi có thông báo của chính quyền | Nhà đỏ, tốc mái  Chuồng trại chăn nuôi bị đổ  Hệ thống điện, hệ thống truyền thanh bị hư hại  Chết nguòi  ao, đầm, bị vỡ, cá nếu bão kèm mưa to  thuyền bị vỡ, ngư lưới cụ bị mất | cao |
| *2* | Hải Thành | 334 | **VC**  - 29 nhà ở sát mép biển  - Thôn có 24 nhà cấp 4 trong đó có 2 nhà chưa chằng chống  - 13 chuồng trại đơn sơ  - 20 nhà ở sát mép biển  - 30 thuyền nan đánh bắt trên biển, phương tiện không an toàn, không có bảo hộ , không có máy bộ đàm liên lạc với đất liền  - Hệ thống truyền thanh xuống cấp  - Thiếu nơi neo đậu thuyền ghe an toàn  **TCXH**  Toàn thôn có 622 đối tượng dễ bị tổn thương, 05 đối tượng neo đơn trong vùng nguy cơ cao khi có bão mạnh  **NT,KN**  - Nhiều hộ còn chủ quan và thiếu kiến thức và kỹ năng PCTT  Một số người dân còn có tư tưởng ỷ lại, trông chờ, không thực hiện lệnh sơ tán | **VC**  **-**Có 261 nhà kiên cố  - 98% nhà có gian trú bão  Có rừng phòng hộ ven biển  Chuẩn bị lương thực, thực phẩm khi bước vào mùa mưa bão  **TCXH**  Nhiều hộ đã chủ động chằng chống nhà  Có kế hoach, phương án PCTT  Có tiểu ban PCTT cấp thôn  Có đội xung kích 15 người  Có lực lương y tế thôn 01 người  Có lực lượng dân quân và an ninh thôn  **NT, KN**  Người dân có tinh thần hỗ trợ giúp đỡ nhau  Ngư dân đi biển có nhiều kinh nghiệm và không đi biển khi có thông báo của chính quyền | Nhà đỏ, tốc mái  Chuồng trại chăn nuôi bị đổ  Hệ thống điện, hệ thống truyền thanh bị hư hại  Chết nguòi  ao, đầm, bị vỡ, cá nếu bão kèm mưa to  thuyền bị vỡ, ngư lưới cụ bị mất | cao |
| 3 | Hải Nhuận | 280 | **VC**  - Thôn có 50 nhà cấp 4 trong đó có 6 nhà chưa chằng chống, 20 nhà thiếu kiên cố  - 12 nhà ở sát mép biển  - 24 chuồng trại đơn sơ  - 10 nhà ở sát mép biển  -7 thuyền nan đánh bắt trên biển, phương tiện không an toàn, không có bảo hộ , không có máy bộ đàm liên lạc với đất liền  4,5 ha nuôi tôm sát biển, bờ bao không an toàn  - Hệ thống truyền thanh xuống cấp  - Thiếu nơi neo đậu thuyền ghe an toàn  **TCXH**  Toàn thôn có 581 đối tượng dễ bị tổn thương, 08 đối tượng neo đơn trong vùng nguy cơ cao khi có bão mạnh  **NT,KN**  - Nhiều hộ còn chủ quan và thiếu kiến thức và kỹ năng PCTT  Một số người dân còn có tư tưởng ỷ lại, trông chờ, không thực hiện lệnh sơ tán | **VC**  **-**Có 122 nhà kiên cố  - 95% nhà có gian trú bão  Có rừng phòng hộ ven biển  Chuẩn bị lương thực, thực phẩm khi bước vào mùa mưa bão  **TCXH**  Nhiều hộ đã chủ động chằng chống nhà  Có kế hoach, phương án PCTT  Có tiểu ban PCTT cấp thôn  Có đội xung kích 15 người  Có lực lương y tế thôn 01 người  Có lực lượng dân quân và an ninh thôn  **NT, KN**  Người dân có tinh thần hỗ trợ giúp đỡ nhau  Ngư dân đi biển có nhiều kinh nghiệm và không đi biển khi có thông báo của chính quyền | Nhà đỏ, tốc mái  Chuồng trại chăn nuôi bị đổ  Hệ thống điện, hệ thống truyền thanh bị hư hại  Chết nguòi  ao, đầm, bị vỡ, cá nếu bão kèm mưa to  thuyền bị vỡ, ngư lưới cụ bị mất | cao |
| 4 | Hải Phú | 180 | **VC**  - Thôn có 57 nhà cấp 4 trong đó có 05 nhà chưa chằng chống,  - 27 nhà ở sát mép biển  - 22 chuồng trại đơn sơ  - 10 nhà ở sát mép biển  -15 thuyền nan đánh bắt trên biển, phương tiện không an toàn, không có bảo hộ , không có máy bộ đàm liên lạc với đất liền  7 ha nuôi tôm sát biển, bờ bao không an toàn  - Hệ thống truyền thanh xuống cấp  - Thiếu nơi neo đậu thuyền ghe an toàn  **TCXH**  Toàn thôn có 581 đối tượng dễ bị tổn thương, 14 đối tượng neo đơn trong vùng nguy cơ cao khi có bão mạnh  **NT,KN**  - Nhiều hộ còn chủ quan và thiếu kiến thức và kỹ năng PCTT  - Một số người dân còn có tư tưởng ỷ lại, trông chờ, không thực hiện lệnh sơ tán | **VC**  **-**Có 123 nhà kiên cố  - 97% nhà có gian trú bão  Có rừng phòng hộ ven biển  - Chuẩn bị lương thực, thực phẩm khi bước vào mùa mưa bão  **TCXH**  - Nhiều hộ đã chủ động chằng chống nhà  - Có kế hoach, phương án PCTT  - Có tiểu ban PCTT cấp thôn  - Có đội xung kích 15 người  - Có lực lương y tế thôn 01 người  - Có lực lượng dân quân và an ninh thôn  **NT, KN**  - Người dân có tinh thần hỗ trợ giúp đỡ nhau  - Ngư dân đi biển có nhiều kinh nghiệm và không đi biển khi có thông báo của chính quyền | Nhà đỏ, tốc mái  Chuồng trại chăn nuôi bị đổ  Hệ thống điện, hệ thống truyền thanh bị hư hại  Chết nguòi  ao, đầm, bị vỡ, cá nếu bão kèm mưa to  thuyền bị vỡ, ngư lưới cụ bị mất | cao |
| 5 | Hải Đông | 223 | **VC**  - 26 nhà ở sát mép biển  - Thôn có 03 nhà cấp 4 chưa chằng chống,  - 3 chuồng trại đơn sơ  -16 thuyền nan đánh bắt trên biển, phương tiện không an toàn, không có bảo hộ , không có máy bộ đàm liên lạc với đất liền  7 ha nuôi tôm sát biển, bờ bao không an toàn  - Hệ thống truyền thanh xuống cấp  - Thiếu nơi neo đậu thuyền ghe an toàn  **TCXH**  - Toàn thôn có 338 đối tượng dễ bị tổn thương, 05 đối tượng neo đơn trong vùng nguy cơ cao khi có bão mạnh  **NT,KN**  - Nhiều hộ còn chủ quan và thiếu kiến thức và kỹ năng PCTT  - Một số người dân còn có tư tưởng ỷ lại, trông chờ, không thực hiện lệnh sơ tán | **VC**  **-**Có 183 nhà kiên cố  - 97% nhà có gian trú bão  Có rừng phòng hộ ven biển  -Chuẩn bị lương thực, thực phẩm khi bước vào mùa mưa bão  **TCXH**  -Nhiều hộ đã chủ động chằng chống nhà  -Có kế hoach, phương án PCTT  -Có tiểu ban PCTT cấp thôn  -Có đội xung kích 15 người  - Có lực lương y tế thôn 01 người  - Có lực lượng dân quân và an ninh thôn  **NT, KN**  - Người dân có tinh thần hỗ trợ giúp đỡ nhau  - Ngư dân đi biển có nhiều kinh nghiệm và không đi biển khi có thông báo của chính quyền | Nhà đỏ, tốc mái  Chuồng trại chăn nuôi bị đổ  Hệ thống điện, hệ thống truyền thanh bị hư hại  Chết nguòi  ao, đầm, bị vỡ, cá nếu bão kèm mưa to  thuyền bị vỡ, ngư lưới cụ bị mất | cao |
| Sạt lở bờ biển | | | | | | |
| *1* | Hải Thế | 214 | **VC**  - Bờ biển bằng cát không có rừng chắn sóng, chưa kè đá dễ bị sói mòn  -12 hộ sát mép biển nguy cơ sạt lở cao  - 11 ha ao hồ bờ ao yếu, đáy ao kém dễ bị xói mòn  **TCXH**  -khu vực sạt lở có 04 hộ neo đơn, và 17 đối tượng dễ bị tổn thương  **KN,NT**  Người dân còn chủ quan | **KT,KN**  - Thường xuyên theo dõi thông tin đặc biết là tin bão, nước biển dâng  - Chú ý quan sát hiện tượng nứt lún trong khu vực  - Chuẩn bị cho sơ tán tốt và đã chủ động sơ tán | Chết người  Nhà bị sập  Mất đất ở  Ao, hồ thủy sản bị vỡ, tôm, cá bị mất | Cao |
| *2* | Hải Thành | 334 | **VC**  - Bờ biển bằng cát không có rừng chắn sóng, chưa kè đá dễ bị sói mòn  -24 hộ sát mép biển nguy cơ sạt lở cao  **TCXH**   * Khu vực sạt lở có 04 hộ neo đơn, và 24 đối tượng dễ bị tổn thương   **KN,NT**  - Người dân còn chủ quan | **KT,KN**  - Thường xuyên theo dõi thông tin đặc biết là tin bão, nước biển dâng  - Chú ý quan sát hiện tượng nứt lún trong khu vực  - Chuẩn bị cho sơ tán tốt và đã chủ động sơ tán | Chết người  Nhà bị sập  Mất đất ở  Ao, hồ thủy sản bị vỡ, tôm, cá bị mất | Cao |
| 3 | Hải Nhuận | 280 | **VC**  - Bờ biển bằng cát không có rừng chắn sóng, chưa kè đá dễ bị sói mòn  -16 hộ sát mép biển nguy cơ sạt lở cao  - 4,5 ha ao hồ bờ ao yếu, đáy ao kém dễ bị xói mòn  **TCXH**  -Khu vực sạt lở có 05 hộ neo đơn, và 18 đối tượng dễ bị tổn thương  **KN,NT**  - Người dân còn chủ quan | **KT,KN**  - Thường xuyên theo dõi thông tin đặc biết là tin bão, nước biển dâng  - Chú ý quan sát hiện tượng nứt lún trong khu vực  - Chuẩn bị cho sơ tán tốt và đã chủ động sơ tán | Chết người  Nhà bị sập  Mất đất ở  Ao, hồ thủy sản bị vỡ, tôm, cá bị mất | Cao |
| 4 | Hải Phú | 180 | **VC**  - Bờ biển bằng cát không có rừng chắn sóng, chưa kè đá dễ bị sói mòn  -13 hộ sát mép biển nguy cơ sạt lở cao  - 7 ha ao hồ bờ ao yếu, đáy ao kém dễ bị xói mòn  **TCXH**  -Khu vực sạt lở có 19 đối tượng dễ bị tổn thương  **KN,NT**  Người dân còn chủ quan | **KT,KN**  - Thường xuyên theo dõi thông tin đặc biết là tin bão, nước biển dâng  - Chú ý quan sát hiện tượng nứt lún trong khu vực  - Chuẩn bị cho sơ tán tốt và đã chủ động sơ tán | Chết người  Nhà bị sập  Mất đất ở  Ao, hồ thủy sản bị vỡ, tôm, cá bị mất | Cao |
| 5 | Hải Đông | 223 | **VC**  - Bờ biển bằng cát không có rừng chắn sóng, chưa kè đá dễ bị sói mòn  -17 hộ sát mép biển nguy cơ sạt lở cao  - 7 ha ao hồ bờ ao yếu, đáy ao kém dễ bị xói mòn  **TCXH**  -Khu vực sạt lở 14 đối tượng dễ bị tổn thương  **KN,NT**  Người dân còn chủ quan | **KT,KN**  - Thường xuyên theo dõi thông tin đặc biết là tin bão, nước biển dâng  - Chú ý quan sát hiện tượng nứt lún trong khu vực  - Chuẩn bị cho sơ tán tốt và đã chủ động sơ tán | Chết người  Nhà bị sập  Mất đất ở  Ao, hồ thủy sản bị vỡ, tôm, cá bị mất | Cao |

**Nhận xét:**

Các yếu tố rủi ro tại các thôn chủ yếu là nhà ở, đường, hệ thống thủy lợi, phương tiện đánh bắt và nuôi trồng thủy sản,tôm nuôi. Các rủi ro này đã gia tăng trong những năm gần đây đặc biệt là nhà ở tại các khu vực sát ven biển. Xã đã thành lập khu định cư mới và đã chuyển được 13 hộ đến nơi an toàn song vẫn còn 82 hộ ở vùng nguy cơ sạt lở cao. Trong số trên có 3 hộ thiếu khả năng kinh phí để di dời

## **Hạ tầng công cộng**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Lụt |  |  | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Bão |  |  |  |  |  |
| *1* | Hải Thế | 214 | **VC**  -Đường điện của một số hộ chưa an toàn  Hệ thống truyền thanh xuống cấp  - Nhà văn hóa đã xuống cấp  Có 0,1km đường xóm xấu  Nền đường cát dễ bị xói mòn do dòng chảy  - 2 kè biển bị hư hổng nặng không còn tác dụng chắn sóng  600m kênh thoát nước xuống cấp  **NT, KN**  -Người dân còn chủ quan  Chưa có kiến thức để nhận diện nhà an toàn, thiếu an toàn  -Quy hoạch đồng tôm chắn dòng chảy khi có mưa | **VC**  **-**03 trạm điện, đường diện trung hạ thế tốt  -0,658 km đường liên thôn và 1,108 km đường xóm đã bê tông hóa  **TCXH**  Người dân có trách nhiệm trong bảo quản điện, đường  **KN,NT**  Có tinh thần hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau | Đường điện, đường truyền thanh bị hư hỏng  Nhà VH thôn bị hư hại  Đường bị sạt lở  Cản trở đi lại | Cao  Cao  TB  Thấp |
| *2* | Hải Thành | 334 | **VC**  -Đường điện của một số hộ chưa an toàn  - Hệ thống truyền thanh xuống cấp  - Nhà văn hóa đã xuống cấp  Có 0,150km đường xóm xấu  - Nền đường cát dễ bị xói mòn do dòng chảy  - 1 kè biển bị hư hổng nặng không còn tác dụng chắn sóng  - 1050 m kênh thoát nước khu dân cư và 400 m khu chợ xuống cấp  **NT, KN**  - Người dân còn chủ quan  Chưa có kiến thức để nhận diện nhà an toàn, thiếu an toàn | **VC**  **-**01 trạm điện, đường diện trung hạ thế tốt  - 0,957 km đường liên thôn và 0,473 km đường xóm đã bê tông hóa  **TCXH**  - Người dân có trách nhiệm trong bảo quản điện, đường  **KN,NT**  - Có tinh thần hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau | Đường điện, đường truyền thanh bị hư hỏng  Nhà VH thôn bị hư hại  Đường bị sạt lở  Cản trở đi lại | Cao  Cao  TB  Thấp |
| 3 | Hải Nhuận | 280 | **VC**  -Đường điện của một số hộ chưa an toàn  - Hệ thống truyền thanh xuống cấp  - Nhà văn hóa đã xuống cấp  Có 0,180km đường xóm xấu  - Nền đường cát dễ bị xói mòn do dòng chảy  - 01 kè biển bị hư hổng nặng không còn tác dụng chắn sóng  - 550 m kênh thoát nước xuống cấp  **NT, KN**  - Người dân còn chủ quan  Chưa có kiến thức để nhận diện nhà an toàn, thiếu an toàn | **VC**  **-**01 trạm điện, đường diện trung hạ thế tốt  - 0,266 km đường liên thôn và 0,821 km đường xóm đã bê tông hóa  **TCXH**  -Người dân có trách nhiệm trong bảo quản điện, đường  **KN,NT**  - Có tinh thần hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau | Đường điện, đường truyền thanh bị hư hỏng  Nhà VH thôn bị hư hại  Đường bị sạt lở  Cản trở đi lại | Cao  Cao  TB  Thấp |
| 4 | Hải Phú | 180 | **VC**  -Đường điện của một số hộ chưa an toàn  - Hệ thống truyền thanh xuống cấp  - Nhà văn hóa đã xuống cấp  - Có 0,210 km đường xóm xấu  Nền đường cát dễ bị xói mòn do dòng chảy  - 1 kè biển bị hư hổng nặng không còn tác dụng chắn sóng  - 250 m kênh thoát nước xuống cấp  **NT, KN**  - Người dân còn chủ quan  Chưa có kiến thức để nhận diện nhà an toàn, thiếu an toàn | **VC**  **-**01 trạm điện, đường diện trung hạ thế tốt  - 0,536 km đường liên thôn và 0,440 km đường xóm đã bê tông hóa  **TCXH**  - Người dân có trách nhiệm trong bảo quản điện, đường  **KN,NT**  - Có tinh thần hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau | Đường điện, đường truyền thanh bị hư hỏng  Nhà VH thôn bị hư hại  Đường bị sạt lở  Cản trở đi lại | Cao  Cao  TB  Thấp |
| 5 | Hải Đông | 223 | **VC**  -Đường điện của một số hộ chưa an toàn  - Hệ thống truyền thanh xuống cấp  - Nhà văn hóa đã xuống cấp  - Có 0,180 km đường xóm xấu  - Nền đường cát dễ bị xói mòn do dòng chảy  - 2 kè biển bị hư hổng nặng không còn tác dụng chắn sóng  - 650m kênh thoát nước xuống cấp  **NT, KN**  Người dân còn chủ quan  Chưa có kiến thức để nhận diện nhà an toàn, thiếu an toàn | **VC**  **-**04 trạm điện, đường diện trung hạ thế tốt  - 0,833 km đường liên thôn và 0,252 km đường xóm đã bê tông hóa  **TCXH**  Người dân có trách nhiệm trong bảo quản điện, đường  **KN,NT**  Có tinh thần hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau | Đường điện, đường truyền thanh bị hư hỏng  Nhà VH thôn bị hư hại  Đường bị sạt lở  Cản trở đi lại | Cao  Cao  TB  Thấp |
| Sạt lở đất | | | | | | |
| *1* | Hải Thế | 214 | **VC**   * Chất lượng đường là cát dễ bị xói mòn * Thiếu phương tiện trang bị chống sạt lở, xói mòn | **KN,NT**  Dùng bao bì chắn dòng chảy | Đường bị sạt lở | Cao |
| *2* | Hải Thành | 334 | **VC**   * Chất lượng đường là cát dễ bị xói mòn * Thiếu phương tiện trang bị chống sạt lở, xói mòn | **KN,NT**  Dùng bao bì chắn dòng chảy | Đường bị sạt lở | TB |
| 3 | Hải Nhuận | 280 | **VC**   * Chất lượng đường là cát dễ bị xói mòn * Thiếu phương tiện trang bị chống sạt lở, xói mòn | **KN,NT**  Dùng bao bì chắn dòng chảy | Đường bị sạt lở | Cao |
| 4 | Hải Phú | 180 | **VC**   * Chất lượng đường là cát dễ bị xói mòn * Thiếu phương tiện trang bị chống sạt lở, xói mòn | **KN,NT**  Dùng bao bì chắn dòng chảy | Đường bị sạt lở | TB |
| 5 | Hải Đông | 223 | **VC**   * Chất lượng đường là cát dễ bị xói mòn * Thiếu phương tiện trang bị chống sạt lở, xói mòn | **KN,NT**  Dùng bao bì cát chắn dòng chảy | Đường bị sạt lở | Cao |

## **Công trình thủy lợi**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Bão |  | Toàn xã | - Mương thoát nước khu dân cư 4400m , nền kè yếu dễ bị xói lở và đã xuống cấp 3600m  - 7kè chắn sóng biển đã xuống cấp nghiêm trọng  - Các đường ống dẫn nước (tiêu, thoát nước) hồ tôm thiếu kiên cố  - | - Thường xuyên kiểm tra, tu bổ  - Dùng bao bì cát chắn dòng chảy |  |  |

## **Nhà ở**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Lụt | - | - |  |  |  |  |
| Bão | | | | | | |
| *1* | Hải Thế | 214 | **VC**  - Nhà thiếu kiên cố 20 cái  - 01 nhà tạm bợ  - 10 chuồng trại đơn sơ  - 27 nhà ở sát mép biển trong đó có 04 hộ neo người  **NT,KN**  -Người dân còn chủ quan  -Thiếu kỹ năng chằng chống nhà cửa  - Chưa có kiến thức để nhận diện nhà an toàn, thiếu an toàn | **VC**  **-**Có 100 nhà kiên cố  - 96% nhà có gian kiên cố  -Có rừng phòng hộ ven biển chắn gió  **TCXH**  -Chủ động chằng chống nhà, chủ động sơ tán  -Thôn có tiểu ban PCTT  Nhận được cảnh báo bão kịp thời  -Thôn có lực lượng giúp dân chằng chống nhà khi có bão đến  **NT,KN**  -Có tinh thần hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau  -Thường xuyên nghe thông tin | Nhà đổ, tốc mái  Người bị thương, bị chết | Cao |
| *2* | Hải Thành | 334 | **VC**  - Thôn còn 02 nhà cấp 4 chưa chằng chống  02 nhà tạm bợ  - 29 nhà ở sát mép biển  **NT,KN**  Người dân còn chủ quan  Thiếu kỹ năng chằng chống nhà cửa  Chưa có kiến thức để nhận diện nhà an toàn, thiếu an toàn | **VC**  **-**Có 261 nhà kiên cố  - 95% nhà có gian trú bão an toàn  -Có rừng phòng hộ ven biển chắn gió  **TCXH**  Chủ động chằng chống nhà, chủ động sơ tán Thôn có tiểu ban PCTT  Nhận được cảnh báo bão kịp thời  Thôn có lực lượng giúp dân chằng chống nhà khi có bão đến  **NT,KN**  Có tinh thần hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau  Thường xuyên nghe thông tin | Nhà đổ, tốc mái  Người bị thương, bị chết | Cao |
| 3 | Hải Nhuận | 280 | **VC**  - Thôn còn 06 nhà cấp 4 chưa chằng chống  - 12 nhà ở sát mép biển  **NT,KN**  Người dân còn chủ quan  Thiếu kỹ năng chằng chống nhà cửa  Chưa có kiến thức để nhận diện nhà an toàn, thiếu an toàn | **VC**  **-**Có 122 nhà kiên cố  - 95% nhà có gian kiên cố  Có rừng phòng hộ ven biển chắn gió  **TCXH**  Chủ động chằng chống nhà, chủ động sơ tán Thôn có tiểu ban PCTT  Nhận được cảnh báo bão kịp thời  Thôn có lực lượng giúp dân chằng chống nhà khi có bão đến  **NT,KN**  Có tinh thần hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau  Thường xuyên nghe thông tin | Nhà đổ, tốc mái  Người bị thương, bị chết | Cao |
| 4 | Hải Phú | 180 | **VC**  - Thôn còn 54 nhà cấp 4 , 05 nhà tạm bợ, 05 nhà chưa chằng chốn  - 27 nhà ở sát mép biển  **NT,KN**  Người dân còn chủ quan  Thiếu kỹ năng chằng chống nhà cửa  Chưa có kiến thức để nhận diện nhà an toàn, thiếu an toàn | **VC**  **-**Có 123 nhà kiên cố  - 95% nhà có gian trú bão  Có rừng phòng hộ ven biển chắn gió  **TCXH**  Chủ động chằng chống nhà, chủ động sơ tán Thôn có tiểu ban PCTT  Nhận được cảnh báo bão kịp thời  Thôn có lực lượng giúp dân chằng chống nhà khi có bão đến  **NT,KN**  Có tinh thần hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau  Thường xuyên nghe thông tin | Nhà đổ, tốc mái  Người bị thương, bị chết | Cao |
| 5 | Hải Đông | 223 | **VC**  - Thôn còn 10 nhà cấp 4 trong đó có 3 nhà chưa chằng chống  - 26 nhà ở sát mép biển  **NT,KN**  Người dân còn chủ quan  Thiếu kỹ năng chằng chống nhà cửa  Chưa có kiến thức để nhận diện nhà an toàn, thiếu an toàn | **VC**  **-**Có 123 nhà kiên cố  - 95% nhà có gian trú bão  Có rừng phòng hộ ven biển chắn gió  **TCXH**  Chủ động chằng chống nhà, chủ động sơ tán Thôn có tiểu ban PCTT  Nhận được cảnh báo bão kịp thời  Thôn có lực lượng giúp dân chằng chống nhà khi có bão đến  **NT,KN**  Có tinh thần hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau  Thường xuyên nghe thông tin | Nhà đổ, tốc mái  Người bị thương, bị chết | Cao |
| Sạt lở bờ biển | | | | | | |
| *1* | Hải Thế | 214 | **VC**  Có 12 nhà ngay sát mép nước biển **KN,NT**  Nhận thức của người dân về sạt lở, nước biển dâng, biến đổi khí hậu hạn chế  Còn có tư tưởng chủ quan | **TCXH**  Thường xuyên theo dõi thông tin  Thôn, xã đã có phương án sơ tán,  Người dân chủ động sơ tán  Có lực lượng, phương tiện hỗ trợ sơ tán | Nhà sập  Mất đất ở, mất tài sản, chết người | Cao |
| *2* | Hải Thành | 334 | **VC**  Có 24 nhà ngay sát mép nước biển **KN,NT**  Nhận thức của người dân về sạt lở, nước biển dâng, biến đổi khí hậu hạn chế  Còn có tư tưởng chủ quan | **TCXH**  Thường xuyên theo dõi thông tin  Thôn, xã đã có phương án sơ tán,  Người dân chủ động sơ tán  Có lực lượng, phương tiện hỗ trợ sơ tán | Nhà sập  Mất đất ở, mất tài sản, chết người | Cao |
| 3 | Hải Nhuận | 280 | **VC**  Có 16 nhà ngay sát mép nước biển **KN,NT**  Nhận thức của người dân về sạt lở, nước biển dâng, biến đổi khí hậu hạn chế  Còn có tư tưởng chủ quan | TCXH  Thường xuyên theo dõi thông tin  Thôn, xã đã có phương án sơ tán,  Người dân chủ động sơ tán  Có lực lượng, phương tiện hỗ trợ sơ tán | Nhà sập  Mất đất ở, mất tài sản, chết người | Cao |
| 4 | Hải Phú | 180 | **VC**  Có 13 nhà ngay sát mép nước biển **KN,NT**  Nhận thức của người dân về sạt lở, nước biển dâng, biến đổi khí hậu hạn chế  Còn có tư tưởng chủ quan | TCXH  Thường xuyên theo dõi thông tin  Thôn, xã đã có phương án sơ tán,  Người dân chủ động sơ tán  Có lực lượng, phương tiện hỗ trợ sơ tán | Nhà sập  Mất đất ở, mất tài sản, chết người | Cao |
| 5 | Hải Đông | 223 | **VC**  Có 17 nhà ngay sát mép nước biển **KN,NT**  Nhận thức của người dân về sạt lở, nước biển dâng, biến đổi khí hậu hạn chế  Còn có tư tưởng chủ quan | TCXH  Thường xuyên theo dõi thông tin  Thôn, xã đã có phương án sơ tán,  Người dân chủ động sơ tán  Có lực lượng, phương tiện hỗ trợ sơ tán | Nhà sập  Mất đất ở, mất tài sản, chết người | Cao |

## **Nước sạch, vệ sinh và môi trường**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Lụt |  |  |  |  |  |  |
| Bão | | | | | | |
| *1* | Hải Thế | 214 | **VC**  Chuồng trại tạm bợ 10 , chất thải vật nuôi chưa được xử lý  **TCXH**  Vật nuôi chưa được tiêm phòng đầy đủ  Chăn nuôi nhỏ lẻ, Đầu ra bấp bênh, thiếu ổn định, thiếu đầu mối bao tiêu  Tại chợ thiếu điểm chứa rác thải hàng ngày  Các cống tiêu nước sinh hoạt chưa được xử lý thải ra biển  - Các đường ống dẫn nước thải khu dân cư đã xuống cấp | **VC**  Đã có lò xử lý rác thải tập trung của xã  100% số hộ có nước sạch và hố tiêu hợp vệ sinh  Đã có đội thu gom rác và có bãi rác qui định  **TCXH**  Thường xuyên được tuyên truyền, thường xuyên tổng vệ sinh  Có lực lượng thú y  **KN,NT**  Ý thức bảo vệ môi trường của người dân tốt | Ô nhiễm môi trường  Dịch bệnh phát sinh ở người và vật nuôi | TB |
| *2* | Hải Thành | 334 | **VC**  Chuồng trại tạm bợ 13 , chất thải vật nuôi chưa được xử lý  **TCXH**  Vật nuôi chưa được tiêm phòng đầy đủ  Chăn nuôi nhỏ lẻ, Đầu ra bấp bênh, thiếu ổn định, thiếu đầu mối bao tiêu  Tại chợ thiếu điểm chứa rác thải hàng ngày  Các cống tiêu nước sinh hoạt chưa được xử lý thải ra biển  - Các đường ống dẫn nước thải khu dân cư đã xuống cấp | **VC**  Đã có lò xử lý rác thải tập trung của xã  100% số hộ có nước sạch và hố vệ sinh an toàn  **TCXH**  Đã có đội thu gom rác và có bãi rác qui định  **TCXH**  Thường xuyên được tuyên truyền, thường xuyên tổng vệ sinh  Có lực lượng thú y  **KN,NT**  Ý thức bảo vệ môi trường của người dân tốt | Ô nhiễm môi trường  Dịch bệnh phát sinh ở người và vật nuôi | TB |
| 3 | Hải Nhuận | 280 | **VC**  Chuồng trại tạm bợ 24 , chất thải vật nuôi chưa được xử lý  **TCXH**  Vật nuôi chưa được tiêm phòng đầy đủ  Chăn nuôi nhỏ lẻ, Đầu ra bấp bênh, thiếu ổn định, thiếu đầu mối bao tiêu  Tại chợ thiếu điểm chứa rác thải hàng ngày  Các cống tiêu nước sinh hoạt chưa được xử lý thải ra biển  - Các đường ống dẫn nước thải khu dân cư đã xuống cấp | **VC**  Đã có lò xử lý rác thải tập trung của xã  100% số hộ có nước sạch và hố vệ sinh an toàn  **TCXH**  Đã có đội thu gom rác và có bãi rác qui định  **TCXH**  Thường xuyên được tuyên truyền, thường xuyên tổng vệ sinh  Có lực lượng thú y  **KN,NT**  Ý thức bảo vệ môi trường của người dân tốt | Ô nhiễm môi trường  Dịch bệnh phát sinh ở người và vật nuôi | TB |
| 4 | Hải Phú | 180 | **VC**  Chuồng trại tạm bợ 22 , chất thải vật nuôi chưa được xử lý  **TCXH**  Vật nuôi chưa được tiêm phòng đầy đủ  Chăn nuôi nhỏ lẻ, Đầu ra bấp bênh, thiếu ổn định, thiếu đầu mối bao tiêu  Tại chợ thiếu điểm chứa rác thải hàng ngày  Các cống tiêu nước sinh hoạt chưa được xử lý thải ra biển  - Các đường ống dẫn nước thải khu dân cư đã xuống cấp | **VC**  Đã có lò xử lý rác thải tập trung của xã  100% số hộ có nước sạch và hố vệ sinh an toàn  **TCXH**  Đã có đội thu gom rác và có bãi rác qui định  **TCXH**  Thường xuyên được tuyên truyền, thường xuyên tổng vệ sinh  Có lực lượng thú y  **KN,NT**  Ý thức bảo vệ môi trường của người dân tốt | Ô nhiễm môi trường  Dịch bệnh phát sinh ở người và vật nuôi | TB |
| 5 | Hải Đông | 223 | **VC**  Chuồng trại tạm bợ 3 , chất thải vật nuôi chưa được xử lý  **TCXH**  Vật nuôi chưa được tiêm phòng đầy đủ  Chăn nuôi nhỏ lẻ, Đầu ra bấp bênh, thiếu ổn định, thiếu đầu mối bao tiêu  Tại chợ thiếu điểm chứa rác thải hàng ngày  Các cống tiêu nước sinh hoạt chưa được xử lý thải ra biển  - Các đường ống dẫn nước thải khu dân cư đã xuống cấp | **VC**  Đã có lò xử lý rác thải tập trung của xã  100% số hộ có nước sạch và hố vệ sinh an toàn  **TCXH**  Đã có đội thu gom rác và có bãi rác qui định  **TCXH**  Thường xuyên được tuyên truyền, thường xuyên tổng vệ sinh  Có lực lượng thú y  **KN,NT**  Ý thức bảo vệ môi trường của người dân tốt | Ô nhiễm môi trường  Dịch bệnh phát sinh ở người và vật nuôi | TB |

Xã đã có lò xử lý rác thải được xây dựng tại khu vực xa khu dân cư. 100% số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh, 10% hộ đã được dùng nước sạch, 1005 người dân có bảo hiểm y tế tuy nhiên hệ thống hệ thống nước thải chưa được xử lý xả thẳng ra biển có thể làm tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường

## **Y tế và quản lý dịch bệnh**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Lụt | Thôn … |  |  |  |  |  |
| Bão | Thôn … |  |  |  |  |  |
| *1* | Hải Thế | 214 | **VC**  Chuồng trại chưa đảm bảo vệ sinh  Hệ thống tiêu thoát nước thải xuống cấp  **TCXH**  Tất cả 5/5 thôn đều ở ven biển  Các thôn rộng nhưng chỉ có 01 cán bộ y tế  Người dân thường dùng nước đá  Không có xử lý nước thải | **VC**  Trạm kiên cố, có đủ trang thiết bị phục vụ PCTT  Xã có khu xử lý rác thải  100% hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh, 1005 hộ đã được dùng nước sạch  **TCXH**  -Trạm y tế có 5 nhân lực, thường xuyên tiến hành kiểm tra, định kỳ kiểm tra an toàn thực phẩm  Các thôn có 01 cán bộ y tế  Cán bộ y tế xã, thôn có năng lưc  Chỉ đạo tốt công tác phát hiện dịch, khoanh vùng và dập dịch kịp thời  100% người dân đã tham gia bảo hiểm y tế | *Dịch bệnh phát sinh* | *Thấp* |

## **Giáo dục**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Lụt | Thôn … |  |  |  |  |  |
|  | Thôn…. |  |  |  |  |  |
| Bão | Mầm non |  | VC  Nhà vệ sinh còn thiếu, chưa được đảm bảo sạch sẽ,  Nước dự trữ ít ,  KN,NT   * Trẻ thiếu kinh nghiệm PCTT * Chưa tích hợp công tác PCTT, TƯBĐKH vào các trò chơi cho trẻ | VC   * Có 8 phòng kiên cố, rộng rãi, có đủ trò chơi cho trẻ * Nhà ăn sạch gọn gàng, đúng quy định * Có đủ đồ chơi cho trẻ | * Học sinh có nguy cơ phải nghỉ học   -Học sinh không có kiến thức, kỹ năng PCTT | Thấp |
|  | Trường tiểu hoc |  | VC  Nhà vệ sinh còn thiếu, chưa được đảm bảo sạch sẽ,  Nước dự trữ ít ,  KN,NT   * Trẻ thiếu kinh nghiệm PCTT * Chưa tích hợp công tác PCTT, TƯBĐKH vào các trò chơi cho trẻ | VC   * Có 18 phòng kiên cố, rộng rãi, có đủ không gian hoạt động vui chơi, giải trí * Trường có tiểu ban PCTT, có kế hoạch PCTT | * Học sinh có nguy cơ phải nghỉ học   -Học sinh không có kiến thức, kỹ năng PCTT | Thấp |
|  | Trường THCS |  | VC  Nhà vệ sinh còn thiếu, chưa được đảm bảo sạch sẽ,  Nước dự trữ ít ,  KN,NT   * Trẻ thiếu kinh nghiệm PCTT * Chưa tích hợp công tác PCTT, TƯBĐKH vào các trò chơi cho trẻ | VC   * Có 20 phòng kiên cố, rộng rãi, có đủ không gian hoạt động vui chơi, giải trí * Trường có tiểu ban PCTT, có kế hoạch PCTT | * Học sinh có nguy cơ phải nghỉ học   -Học sinh không có kiến thức, kỹ năng PCTT | Thấp |

## **Rừng**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Lụt | Thôn … |  |  |  |  |  |
| Bão | Thôn … |  |  |  |  |  |
| *1* | Hải Thế | 214 | **\*VC:**  - Rừng nhân dân trồng hàng năm khai thác chưa có quy hoạch  - Mật độ rừng không đều  **\*TCXH:**  Chưa có sự phối hợp giưa người trông và bộ phận quản lý rừng  - Chưa phát triển các loại hình sinh kế trong việc trồng rừng  **\*NT/KN:**  - 20% Người dân chưa có ý thức tham gia vào việc bảo vệ rừng, trồng trừng chắn cát  - Ý thức người dân chưa cao dẫn cháy rừng | **VC:**  - Tỷ lệ thành rừng 100%  - 25 ha rừng sản xuất và 11 ha rừng phòng hộ giao cho dân chăm sóc, khai thác và tỉnh quản lý rừng phòng hộ  **\*TCXH:**  - Chính quyền có hỗ trợ giống cây  - được tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc  - Thường xuyên tuyên truyền bảo vệ rừng  - Có lực lượng PCCC rừng  **\*NT/KN:**  - Có địa điểm cung cấp giống cây phù hợp | - Giảm tác dụng chắn gió, chắn cát bay của rừng  - Rừng bị gãy đổ khi có bão, lốc  Rừng bị cháy | **Cao** |
| *2* | Hải Thành | 334 | **\*VC:**  - Rừng nhân dân trồng hàng năm khai thác chưa cóa quy hoạch  - Mật độ rừng không đều  **\*TCXH:**  Chưa có sự phối hợp giưa người trông và bộ phận quản lý rừng  - Chưa phát triển các loại hình sinh kế trong việc trồng rừng  **\*NT/KN:**  - 40% Người dân chưa có ý thức tham gia vào việc bảo vệ rừng, trồng trừng chắn cát  - Ý thức người dân chưa cao dẫn cháy rừng | **VC:**  - Tỷ lệ thành rừng 100%  - 28 ha rừng sản xuất và 13 ha rừng phòng hộ giao cho dân chăm sóc, khai thác và tỉnh quản lý rừng phòng hộ  **\*TCXH:**  - Chính quyền có hỗ trợ giống cây  - được tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc  - Thường xuyên tuyên truyền bảo vệ rừng  - Có lực lượng PCCC rừng  **\*NT/KN:**  - Có địa điểm cung cấp giống cây phù hợp | - Giảm tác dụng chắn gió, chắn cát bay của rưng  - Rừng bị gãy đổ khi có bão, lốc  Rừng bị cháy | **Cao** |
| 3 | Hải Nhuận | 280 | **\*VC:**  - Rừng nhân dân trồng hàng năm khai thác chưa cóa quy hoạch  - Mật độ rừng không đều  **\*TCXH:**  Chưa có sự phối hợp giưa người trông và bộ phận quản lý rừng  - Chưa phát triển các loại hình sinh kế trong việc trồng rừng  **\*NT/KN:**  - 35% Người dân chưa có ý thức tham gia vào việc bảo vệ rừng, trồng trừng chắn cát  - Ý thức người dân chưa cao dẫn cháy rừng | **VC:**  - Tỷ lệ thành rừng 100%  - 05 ha rừng sản xuất và 01 ha rừng phòng hộ giao cho dân chăm sóc, khai thác và tỉnh quản lý rừng phòng hộ  **\*TCXH:**  - Chính quyền có hỗ trợ giống cây  - được tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc  - Thường xuyên tuyên truyền bảo vệ rừng  - Có lực lượng PCCC rừng  **\*NT/KN:**  - Có địa điểm cung cấp giống cây phù hợp | - Giảm tác dụng chắn gió, chắn cát bay của rưng  - Rừng bị gãy đổ khi có bão, lốc  Rừng bị cháy | **Cao** |
| 4 | Hải Phú | 180 | **\*VC:**  - Rừng nhân dân trồng hàng năm khai thác chưa cóa quy hoạch  - Mật độ rừng không đều  **\*TCXH:**  Chưa có sự phối hợp giưa người trông và bộ phận quản lý rừng  - Chưa phát triển các loại hình sinh kế trong việc trồng rừng  **\*NT/KN:**  - 10% Người dân chưa có ý thức tham gia vào việc bảo vệ rừng, trồng chắn cát  - Ý thức người dân chưa cao dẫn cháy rừng | **VC:**  - Tỷ lệ thành rừng 100%  - 38 ha rừng sản xuất và 4 ha rừng phòng hộ giao cho dân chăm sóc, khai thác và tỉnh quản lý rừng phòng hộ  **\*TCXH:**  - Chính quyền có hỗ trợ giống cây  - được tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc  - Thường xuyên tuyên truyền bảo vệ rừng  - Có lực lượng PCCC rừng  **\*NT/KN:**  - Có địa điểm cung cấp giống cây phù hợp | - Giảm tác dụng chắn gió, chắn cát bay của rưng  - Rừng bị gãy đổ khi có bão, lốc  Rừng bị cháy | **Cao** |
| 5 | Hải Đông | 223 | **\*VC:**  - Rừng nhân dân trồng hàng năm khai thác chưa cóa quy hoạch  - Mật độ rừng không đều  **\*TCXH:**  Chưa có sự phối hợp giưa người trông và bộ phận quản lý rừng  - Chưa phát triển các loại hình sinh kế trong việc trồng rừng  **\*NT/KN:**  - 45% Người dân chưa có ý thức tham gia vào việc bảo vệ rừng, trồng trừng chắn cát  - Ý thức người dân chưa cao dẫn cháy rừng | **VC:**  - Tỷ lệ thành rừng 100%  - 39 ha rừng sản xuất và 12,09 ha rừng phòng hộ giao cho dân chăm sóc, khai thác và tỉnh quản lý rừng phòng hộ  **\*TCXH:**  - Chính quyền có hỗ trợ giống cây  - được tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc  - Thường xuyên tuyên truyền bảo vệ rừng  - Có lực lượng PCCC rừng  **\*NT/KN:**  - Có địa điểm cung cấp giống cây phù hợp | - Giảm tác dụng chắn gió, chắn cát bay của rưng  - Rừng bị gãy đổ khi có bão, lốc  Rừng bị cháy | **Cao** |

## **Chăn nuôi**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Lụt | Thôn … |  |  |  |  |  |
|  | Bão |  |  |  |  |  |
| *1* | Hải Thế | 214 | **VC**  -Chuồng trại sơ sài , chưa hợp vệ sinh10 cái  **TCXH**  - Sử dụng giống cũ còn nhiều  - chưa tiêm chủng thường xuyên  Đầu ra không ổn định  Dịch bệnh  - Vật nuôi dễ nhiễm bệnh  **KN,NT**  - Kỹ năng chăn nuôi hạn chế  - không có người chăn thả | **VC**  Thôn có 15 hộ chăn nuôi  Bò 12 con  Lợn 18 con  **TCXH**  Chăn nuôi truyền thống  Thường xuyên được tập huấn về chăm sóc vật nuôi  **KN,NT**  Tiêm chủng đúng quy định  Thường xuyên vệ sinh chuồng trại | Vật nuôi bị chêt,  Môi trường ô nhiễm  Chuồng trại bị hư hỏng  Dịch bênh. | TB |
| *2* | Hải Thành | 334 | **VC**  -Chuồng trại sơ sài 13 cái  **TCXH**  - Sử dụng giống cũ còn nhiều  Đầu ra không ổn định  Dịch bệnh  - Vật nuôi dễ nhiễm bệnh  **KN,NT**  - Kỹ năng chăn nuôi hạn chế  - không có người chăn thả | **VC**  Thôn có 8 hộ chăn nuôi  Bò 40 con  Lợn 8 con  **TCXH**  Chăn nuôi truyền thống  Thường xuyên được tập huấn về chăm sóc vật nuôi  **KN,NT**  Tiêm chủng đúng quy định  Thường xuyên vệ sinh chuồng trại | Vật nuôi bị chêt,  Môi trường ô nhiễm  Chuồng trại bị hư hỏng  Dịch bênh. | TB |
| 3 | Hải Nhuận | 280 | **VC**  -Chuồng trại sơ sài 24 cái  **TCXH**  - Sử dụng giống cũ còn nhiều  Đầu ra không ổn định  Dịch bệnh  - Vật nuôi dễ nhiễm bệnh  **KN,NT**  - Kỹ năng chăn nuôi hạn chế  - không có người chăn thả | **VC**  Thôn có 30 hộ chăn nuôi  Bò 20 con  Lợn 80 con  **TCXH**  Chăn nuôi truyền thống  Thường xuyên được tập huấn về chăm sóc vật nuôi  **KN,NT**  Tiêm chủng đúng quy định  Thường xuyên vệ sinh chuồng trại | Vật nuôi bị chêt,  Môi trường ô nhiễm  Chuồng trại bị hư hỏng  Dịch bênh. | TB |
| 4 | Hải Phú | 180 | **VC**  -Chuồng trại sơ sài 22 cái  **TCXH**  - Sử dụng giống cũ còn nhiều  Đầu ra không ổn định  Dịch bệnh  - Vật nuôi dễ nhiễm bệnh  **KN,NT**  - Kỹ năng chăn nuôi hạn chế  - không có người chăn thả | **VC**  Thôn có 29 hộ chăn nuôi  Bò 20 con  Lợn 108 con  **TCXH**  Chăn nuôi truyền thống  Thường xuyên được tập huấn về chăm sóc vật nuôi  **KN,NT**  Tiêm chủng đúng quy định  Thường xuyên vệ sinh chuồng trại | Vật nuôi bị chêt,  Môi trường ô nhiễm  Chuồng trại bị hư hỏng  Dịch bênh. | TB |
| 5 | Hải Đông | 223 | **VC**  -Chuồng trại sơ sài 3 cái  **TCXH**  - Sử dụng giống cũ còn nhiều  Đầu ra không ổn định  Dịch bệnh  - Vật nuôi dễ nhiễm bệnh  **KN,NT**  - Kỹ năng chăn nuôi hạn chế  - không có người chăn thả | **VC**  Thôn có 12 hộ chăn nuôi  Bò 4 con  Lợn 24 con  **TCXH**  Chăn nuôi truyền thống  Thường xuyên được tập huấn về chăm sóc vật nuôi  **KN,NT**  Tiêm chủng đúng quy định  Thường xuyên vệ sinh chuồng trại | Vật nuôi bị chêt,  Môi trường ô nhiễm  Chuồng trại bị hư hỏng  Dịch bênh. | TB |

## **Thủy Sản**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Lụt | Thôn … |  |  |  |  |  |
| Bão |  |  |  |  |  |  |
| *1* | Hải Thế | 214 | VC  -Có 11ha ao, hồ,nuôi thủy sản ven biển, bờ bao thấp, yếu không an toàn  - 10 phương tiện đánh cá trên biển là thuyền nan dễ vỡ, đắm  Thiếu áo phao , thiếu phương tiện liên lạc  KN,NT   * Thiếu kỹ năng chăm sóc cá tôm mùa bão * Chưa sản xuất được giống tôm tại chỗ * Người dân còn chủ quan   Không di dời kịp do lũ về nhanh  Thiếu nơi neo đậu tầu thuyền an toàn  Các đường ống dẫn cấp toát nước cho các ao tôm thiếu kiên cố | VC  Xã dự trữ 3 tấn clo rin sẵn sàng hỗ trợ khi có dịch tôm  KN,NT  Đã thực hiện chủ động sơ tán ghe thuyền ,neo buộc an toàn  Chủ động thu hoạch chạy bão  Vệ sinh ao, hồ thường xuyên  Sử dụng clorin khử trùng ao, hồ  Dừng nuôi trong một thời gian | Ao, hồ bị vỡ  Cá bị chết, bị mất  Thuyền, ngư cụ bị vỡ, trôi  Đường ống cấp, thoát nước bị gãy, vỡ  Thiệt hại tính mạng | Cao |
| *2* | Hải Thành | 334 | VC  - 30 phương tiện đánh cá trên biển là thuyền nan dễ vỡ, đắm  Thiếu áo phao , thiếu phương tiện liên lạc  KN,NT   * Thiếu kỹ năng chăm sóc cá tôm mùa bão * Chưa sản xuất được giống tôm tại chỗ * Người dân còn chủ quan   Không di dời kịp do lũ về nhanh  Thiếu nơi neo đậu tầu thuyền an toàn  Các đường ống dẫn cấp toát nước cho các ao tôm thiếu kiên cố | VC  Xã dự trữ 3 tấn clo rin sẵn sàng hỗ trợ khi có dịch tôm  KN,NT  Đã thực hiện chủ động sơ tán ghe thuyền ,neo buộc an toàn  Chủ động thu hoạch chạy bão   * Vệ sinh ao, hồ thường xuyên * Sử dụng clorin khử trùng ao, hồ * Dừng nuôi trong một thời gian | Ao, hồ bị vỡ  Cá bị chết, bị mất  Thuyền, ngư cụ bị vỡ, trôi  Đường ống cấp, thoát nước bị gãy, vỡ  Thiệt hại tính mạng | Cao |
| 3 | Hải Nhuận | 280 | VC  -Có 4,5ha ao, hồ,nuôi thủy sản ven biển, bờ bao thấp, yếu không an toàn  - 7 phương tiện đánh cá trên biển là thuyền nan dễ vỡ, đắm  Thiếu áo phao , thiếu phương tiện liên lạc  KN,NT   * Thiếu kỹ năng chăm sóc cá tôm mùa bão * Chưa sản xuất được giống tôm tại chỗ * Người dân còn chủ quan   Không di dời kịp do lũ về nhanh  Thiếu nơi neo đậu tầu thuyền an toàn  Các đường ống dẫn cấp toát nước cho các ao tôm thiếu kiên cố | VC  Xã dự trữ 3 tấn clo rin sẵn sàng hỗ trợ khi có dịch tôm  KN,NT  Đã thực hiện chủ động sơ tán ghe thuyền ,neo buộc an toàn  Chủ động thu hoạch chạy bão   * Vệ sinh ao, hồ thường xuyên * Sử dụng clorin khử trùng ao, hồ * Dừng nuôi trong một thời gian | Ao, hồ bị vỡ  Cá bị chết, bị mất  Thuyền, ngư cụ bị vỡ, trôi  Đường ống cấp, thoát nước bị gãy, vỡ  Thiệt hại tính mạng | Cao |
| 4 | Hải Phú | 180 | VC  -Có 7ha ao, hồ,nuôi thủy sản ven biển, bờ bao thấp, yếu không an toàn  - 15 phương tiện đánh cá trên biển là thuyền nan dễ vỡ, đắm  Thiếu áo phao , thiếu phương tiện liên lạc  KN,NT   * Thiếu kỹ năng chăm sóc cá tôm mùa bão * Chưa sản xuất được giống tôm tại chỗ * Người dân còn chủ quan   Không di dời kịp do lũ về nhanh  Thiếu nơi neo đậu tầu thuyền an toàn  Các đường ống dẫn cấp toát nước cho các ao tôm thiếu kiên cố | VC  Xã dự trữ 3 tấn clo rin sẵn sàng hỗ trợ khi có dịch tôm  KN,NT  Đã thực hiện chủ động sơ tán ghe thuyền ,neo buộc an toàn  Chủ động thu hoạch chạy bão   * Vệ sinh ao, hồ thường xuyên * Sử dụng clorin khử trùng ao, hồ * Dừng nuôi trong một thời gian | Ao, hồ bị vỡ  Cá bị chết, bị mất  Thuyền, ngư cụ bị vỡ, trôi  Đường ống cấp, thoát nước bị gãy, vỡ  Thiệt hại tính mạng | Cao |
| 5 | Hải Đông | 223 | VC  -Có 23,5 ha ao, hồ,nuôi thủy sản ven biển, bờ bao thấp, yếu không an toàn  - 16 phương tiện đánh cá trên biển là thuyền nan dễ vỡ, đắm  Thiếu áo phao , thiếu phương tiện liên lạc  KN,NT   * Thiếu kỹ năng chăm sóc cá tôm mùa bão * Chưa sản xuất được giống tôm tại chỗ * Người dân còn chủ quan   Không di dời kịp do lũ về nhanh  Thiếu nơi neo đậu tầu thuyền an toàn  Các đường ống dẫn cấp toát nước cho các ao tôm thiếu kiên cố | VC  Xã dự trữ 3 tấn clo rin sẵn sàng hỗ trợ khi có dịch tôm  KN,NT  Đã thực hiện chủ động sơ tán ghe thuyền ,neo buộc an toàn  Chủ động thu hoạch chạy bão   * Vệ sinh ao, hồ thường xuyên * Sử dụng clorin khử trùng ao, hồ * Dừng nuôi trong một thời gian | Ao, hồ bị vỡ  Cá bị chết, bị mất  Thuyền, ngư cụ bị vỡ, trôi  Đường ống cấp, thoát nước bị gãy, vỡ  Thiệt hại tính mạng | Cao |

**Nhận xét:**

Hoạt động thủy sản đang được phục hồi sau sự cố FOMOSA nhưng chậm, cầm chừng còn mang tính chất thăm dò

## **Du lịch ( không có)**

## **Buôn bán và dịch vụ khác**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Lụt | Thôn … |  |  |  |  |  |
| Bão | Toàn xã |  | VC  - 01 chợ đã xuống cấp  KN, NT  - Buôn bán tự phát , người dân thiếu kỹ năng buôn bán chủ yếu là các mặt hàng gia dụng hàng ngày  - Hàng hóa chưa đa dạng  - 01 chợ đã xuống cấp  - Chợ thiếu nơi chứa rác thải | VC  Toàn xã có 175 hộ kinh doanh, buôn bán nhỏ  TCXH  - Một số hộ có đại lý cung cấp hàng hóa mùa thiên tai  KN,NT  - Một số ít hộ biết đầu tư, đa dạng hàng hóa  - Một số hộ đã chủ động học tập nâng cao năng lực về kinh doanh, buôn bán nhỏ | - Lều quán bị hư hỏng, sập đổ  - Hàng hóa hư hỏng,  - Chợ bị sập, đổ  - Buôn bán gián đoạn, | Trung bình |

## Các chợ hoạt động đều, phục vụ tốt nhu cầu cộng đồng tuy nhiên trong các chợ chưa có nơi chứa rác thải quy định. Nếu bão lớn xảy ra, chợ sẽ bị đổ vì đã xuống cấp

## **Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Lụt | Thôn … |  |  |  |  |  |
| Bão | Thôn … |  |  |  |  |  |
| *1* | Hải Thế | 214 | **VC**  -Hệ thống truyền thanh hư hỏng, hiện không sử dụng được  - Thiếu loa cầm tay, âm ly  - Thiếu các phương tiện cảnh báo sớm  **TCXH**  - Chưa có người phụ trách loa đài  - Thiếu tín hiệu cảnh báo chung cho tình huống khẩn cấp | **VC**  Có 01 amply, 01 loa thùng  100% hộ có ti vi; 95% hộ có điện thoại liên lạc  95% người dân được sử dụng internet  **TCXH**  **-** Có đôi tuyên truyền  - 95% người dân được dùng internet  - Có cảnh báo kịp thời đến các hộ dân qua đội tuyên truyền | - Cột gãy đổ  - Không , cảnh báo ‘ chỉ đạo chỉ huy kịp thời trong thiên tai | Trung bình |
| *2* | Hải Thành | 334 | **VC**  -Hệ thống truyền thanh hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng  - Thiếu loa cầm tay, âm ly  - Thiếu các phương tiện cảnh báo sớm  **TCXH**  - Người phụ trách thiếu chuyên môn  - Thiếu tín hiệu cảnh báo chung cho tình huống khẩn cấp | **VC**  Có 01 amply, 01 loa thùng  100% hộ có ti vi; 95% hộ có điện thoại liên lạc  95% người dân được sử dụng internet  **TCXH**  **-** Có đôi tuyên truyền  - 95% người dân được dùng internet  -Thường xuyên tuyên truyền các kiến thức về thiên tai, BĐKH  - Có cảnh báo kịp thời đến các hộ dân qua đội tuyên truyền | - Cột gãy đổ  - Không , cảnh báo ‘ chỉ đạo chỉ huy kịp thời trong thiên tai | Trung bình |
| 3 | Hải Nhuận | 280 | **VC**  -Hệ thống truyền thanh hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng  - Thiếu loa cầm tay, âm ly  - Thiếu các phương tiện cảnh báo sớm  **TCXH**  - Thiếu tín hiệu cảnh báo chung cho tình huống khẩn cấp | **VC**  Có 01 amply, 01 loa thùng  100% hộ có ti vi; 95% hộ có điện thoại liên lạc  95% người dân được sử dụng internet  **TCXH**  **-** Có đôi tuyên truyền  - 95% người dân được dùng internet  - Có cảnh báo kịp thời đến các hộ dân qua đội tuyên truyền | - Cột gãy đổ  - Không , cảnh báo ‘ chỉ đạo chỉ huy kịp thời trong thiên tai | Trung bình |
| 4 | Hải Phú | 180 | **VC**  -Hệ thống truyền thanh hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng  - Thiếu loa cầm tay, âm ly  - Thiếu các phương tiện cảnh báo sớm  **TCXH**  - Người phụ trách thiếu chuyên môn  - Thiếu tín hiệu cảnh báo chung cho tình huống khẩn cấp | **VC**  Có 01 amply, 01 loa thùng  100% hộ có ti vi; 95% hộ có điện thoại liên lạc  95% người dân được sử dụng internet  **TCXH**  **-** Có đôi tuyên truyền  - 95% người dân được dùng internet  - Có cảnh báo kịp thời đến các hộ dân qua đội tuyên truyền | - Cột gãy đổ  - Không , cảnh báo ‘ chỉ đạo chỉ huy kịp thời trong thiên tai | Trung bình |
| 5 | Hải Đông | 223 | **VC**  -Hệ thống truyền thanh hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng  - Thiếu loa cầm tay, âm ly  - Thiếu các phương tiện cảnh báo sớm  **TCXH**  - Người phụ trách thiếu chuyên môn  - Thiếu tín hiệu cảnh báo chung cho tình huống khẩn cấp | **VC**  Có 01 amply, 01 loa thùng  100% hộ có ti vi; 95% hộ có điện thoại liên lạc  95% người dân được sử dụng internet  **TCXH**  **-** Có đôi tuyên truyền  - 95% người dân được dùng internet  -Thường xuyên tuyên truyền các kiến thức về thiên tai, BĐKH  - Có cảnh báo kịp thời đến các hộ dân qua đội tuyên truyền | - Cột gãy đổ  - Không , cảnh báo ‘ chỉ đạo chỉ huy kịp thời trong thiên tai | Trung bình |

## **Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Lụt | Thôn … |  |  |  |  |  |
| Bão, ATNĐ, nước biển dâng | Thôn … |  |  |  |  |  |
| *1* | Hải Thế | 214 | **\*VC:**  **-** Nhà văn hóa thôn xuống cấp  - Thiếu trang thiết bị cứu hộ cứu nạn  - Hệ thống truyền thanh không hoạt động đươc  - Trang thiết bị chưa được bảo quản  - Thiếu loa cầm tay  **TCXH:**  - Đội xung kích thường xuyên biến động do lực lượng trong đội đi làm ăn xa  -Chính sách hỗ trợ hoặc bảo hộ cho lực lượng tham gia khi làm nhiệm vụ chưa có  - Chưa có quy chế hoạt động  **NT/KN:**  - Lực lượng PCTT thiếu kỹ năng | **\*VC:**  - Có 1 xe tải, và xe máy trong dân  - 01 loa cầm tay  **\*TCXH:**  - Có đội xung kích 15 người  - Có tiểu ban PCTT, gồm có 7 người  -Đã xây dựng kế hoạch, phương án PCTT hằng năm  Có sự phối hợp giữa các doàn thể trong thôn  **NT/KN:**  - Thực hiện tốt phương châm 5 tại chỗ  - Đoàn kết tương trợ lẫn nhau trong cộng đồng  Chủ động sơ tán và chấp hành tốt lệnh của chính quyền và người có trách nhiệm  - Người dân biết được các điểm sơ tán | -Lực lượng PCTT có thể bị tác động đến tính mạng  - Công tác ứng phó không kịp thời, không đảm bảo, thiếu chính xác | **TB** |
| *2* | Hải Thành | 334 | **\*VC:**  - Thiếu trang thiết bị cứu hộ cứu nạn  Nhà VH thôn xuống cấp  - Hệ thống truyền thanh hoạt động kém  - Trang thiết bị chưa được bảo quản, tu sửa thường xuyên  - Chưa có loa cầm tay  **TCXH:**  - Đội xung kích thường xuyên biến động do lực lượng trong đội đi làm ăn xa  -Chính sách hỗ trợ hoặc bảo hộ cho lực lượng tham gia khi làm nhiệm vụ chưa có  - Chưa có quy chế hoạt động  **NT/KN:**  - Lực lượng PCTT thiếu kỹ năng | **\*VC:**  - Có 2 xe tải, và xe máy trong dân  - 100% dân có tivi  **\*TCXH:**  - Có đội xung kích 15 người  - Có tiểu ban PCTT, gồm có 7 người  - có 01 cán bộ y tế thôn  -Đã xây dựng kế hoạch, phương án PCTT hằng năm  Có sự phối hợp giữa các doàn thể trong thôn  **NT/KN:**  - Thực hiện tốt phương châm 5 tại chỗ  - Đoàn kết tương trợ lẫn nhau trong cộng đồng  Chủ động sơ tán và chấp hành tốt lệnh của chính quyền và người có trách nhiệm  - Người dân biết được các điểm sơ tán | - Lực lượng PCTT có thể bị tác động đến tjnhs mạng  - Công tác ứng phó không kịp thời, không đảm bảo, thiếu chính xác | **TB** |
| 3 | Hải Nhuận | 280 | **\*VC:**  - Thiếu trang thiết bị cứu hộ cứu nạn: áp phao, phao cứu sinh, đèn pin, bảo hộ lao động  - Nhà VH thôn xuống cấp  - Hệ thống truyền thanh kém chất lượng  - Trang thiết bị chưa được bảo quản  - Thiếu loa cầm tay  **TCXH:**  - Đội xung kích thường xuyên biến động do lực lượng trong đội đi làm ăn xa  -Chính sách hỗ trợ hoặc bảo hộ cho lực lượng tham gia khi làm nhiệm vụ chưa có  - Chưa có quy chế hoạt động  - Ít được tham gia diễn tập  **NT/KN:**  - Lực lượng PCTT thiếu kỹ năng và kinh nghiệm | **\*VC:**  - 100% hộ có xe máy  - Có 01 xe ô tô  **\*TCXH:**  - Có đội xung kích 15 người  - Có tiểu ban PCTT, gồm có 7 người  -Đã xây dựng kế hoạch, phương án PCTT hằng năm  Có sự phối hợp giữa các doàn thể trong thôn  **NT/KN:**  - Thực hiện tốt phương châm 5 tại chỗ  - Đoàn kết tương trợ lẫn nhau trong cộng đồng  Chủ động sơ tán và chấp hành tốt lệnh của chính quyền và người có trách nhiệm  - Người dân biết được các điểm sơ tán | - Lực lượng PCTT có thể bị tác động đến tjnhs mạng  - Công tác ứng phó không kịp thời, không đảm bảo, thiếu chính xác | **TB** |
| 4 | Hải Phú | 180 | **\*VC:**  - Thiếu trang thiết bị cứu hộ cứu nạn  - Hệ thống truyền thanh hoạt động yếu  - Nhà VH thôn xuống cấp  - Trang thiết bị chưa được bảo quản thường xuyên  - Thiếu loa cầm tay  **TCXH:**  - Đội xung kích thường xuyên biến động do lực lượng trong đội đi làm ăn xa  -Chính sách hỗ trợ hoặc bảo hộ cho lực lượng tham gia khi làm nhiệm vụ chưa có  - Chưa có quy chế hoạt động  **NT/KN:**  - Lực lượng PCTT thiếu kỹ năng | **\*VC:**  - Có 1 xe tải, và xe máy trong dân  - 01 loa cầm tay  **\*TCXH:**  - Có đội xung kích 15 người  - Có tiểu ban PCTT, gồm có 7 người  -Đã xây dựng kế hoạch, phương án PCTT hằng năm  Có sự phối hợp giữa các doàn thể trong thôn  **NT/KN:**  - Thực hiện tốt phương châm 5 tại chỗ  - Đoàn kết tương trợ lẫn nhau trong cộng đồng  Chủ động sơ tán và chấp hành tốt lệnh của chính quyền và người có trách nhiệm  - Người dân biết được các điểm sơ tán | - Lực lượng PCTT có thể bị tác động đến tjnhs mạng  - Công tác ứng phó không kịp thời, không đảm bảo, thiếu chính xác | **TB** |
| 5 | Hải Đông | 223 | **\*VC:**  - Thiếu trang thiết bị cứu hộ cứu nạn: áp phao, phao cứu sinh, đèn pin, bảo hộ lao động  -Nhà VH thôn xuống cấp  - Hệ thống truyền thanh không hoạt động đươc  - Trang thiết bị chưa được bảo quản  - Thiếu loa cầm tay  **TCXH:**  - Đội xung kích thường xuyên biến động do lực lượng trong đội đi làm ăn xa  -Chính sách hỗ trợ hoặc bảo hộ cho lực lượng tham gia khi làm nhiệm vụ chưa có  - Chưa có quy chế hoạt động  **NT/KN:**  - Lực lượng PCTT thiếu kỹ năng | **\*VC:**  - Có 1 xe tải, và xe máy trong dân  - 100% dân có xe máy  **\*TCXH:**  - Có đội xung kích 15 người  - Có tiểu ban PCTT, gồm có 7 người  -Đã xây dựng kế hoạch, phương án PCTT hằng năm  Có sự phối hợp giữa các doàn thể trong thôn  **NT/KN:**  - Thực hiện tốt phương châm 5 tại chỗ  - Đoàn kết tương trợ lẫn nhau trong cộng đồng  Chủ động sơ tán và chấp hành tốt lệnh của chính quyền và người có trách nhiệm  - Người dân biết được các điểm sơ tán | - Lực lượng PCTT có thể bị tác động đến tjnhs mạng  - Công tác ứng phó không kịp thời, không đảm bảo, thiếu chính xác | **TB** |

Nhận xét

Xã có người đi làm ăn xa rất lớn, hầu hết lại là lực lượng lao động chính nên khi thiên tai xảy ra sẽ thiếu nghiêm trọng lực lượng ứng cứu tại chỗ do đó nguy cơ thiệt hại sẽ tăng

## **Giới trong PCTT và BĐKH**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Lụt | Thôn … |  |  |  |  |  |
| Bão | Thôn … |  |  |  |  |  |
| *1* | Hải Thế | 214 | **\*TCXH:**  - Tỷ lệ nữ tham gia công tác PCTT thấp  - Bận việc gia đình, chăm sóc con nhỏ, chăn nuôi  Tỷ lệ nữ tham gia trong bộ máy chính quyền thấp  - Tỷ lệ nữ đúng tên trong sổ đỏ, tài sản quan trọng thấp(7% đến 15%)  **\*NT/KN:**  - 60% phụ nữ cho rằng công tác PCTT là của nam giới  -Chưa mạnh dạn, thiếu tự tin  -Chưa mạnh dạn tham gia vào công tác PCTT  - Nữ không biết bơi cao  -Chưa được tập huấn PCTT, SCC  - Thiếu tự tin, tự ty | **TCXH:**  - Có 02 nữ tham gia đội xung kích, 01 nữ tham gia lực lượng y tế  - Nữ là lực lượng chính tham gia vào công tác hậu cần, y tế, dọn dẹp sau thiên tai  - Vận động nhân dân sơ tán khi có thông báo  **\*NT/KN:**  - Vận động con em đến trường sau thiên tai  - Động viên, an ủi những hộ bị bị thiệt hại  - Có khả năng tuyên truyền, thuyết phục, vận động quyên góp | - Nguy cơ đuối nước  - Không dám tiếp cận công việc, tự ty  -Mất quyền quản lý tài sản | **TB** |
| *2* | Hải Thành | 334 | **\*TCXH:**  - Tỷ lệ nữ tham gia công tác PCTT thấp  - Bận việc gia đình,  -Tỷ lệ nữ tham gia trong bộ máy chính quyền thấp  - Tỷ lệ nữ đúng tên trong sổ đỏ, tài sản quan trọng thấp(3% đến 10%)  **\*NT/KN:**  - 60% phụ nữ cho rằng công tác PCTT là của nam giới  -Chưa mạnh dạn, thiếu tự tin  -Chưa mạnh dạn tham gia vào công tác PCTT  - Nữ không biết bơi cao  -Chưa được tập huấn PCTT, SCC | **TCXH:**  - Có 01 nữ tham gia đội xung kích, 01 nữ tham gia lực lượng y tế  - Nữ là lực lượng chính tham gia vào công tác hậu cần, y tế, dọn dẹp sau thiên tai  - Vận động nhân dân sơ tán khi có thông báo  **\*NT/KN:**  - Vận động con em đến trường sau thiên tai  - Động viên, an ủi những hộ bị bị thiệt hại  - Có khả năng tuyên truyền, thuyết phục, vận động quyên góp | - Nguy cơ đuối nước  - Không dám tiếp cận công việc, tự ty  -Mất quyền kiểm soát và quản lý tài sản | **TB** |
| 3 | Hải Nhuận | 280 | **\*TCXH:**  - Tỷ lệ nữ tham gia công tác PCTT thấp  - Bận việc gia đình,  Tỷ lệ nữ tham gia trong bộ máy chính quyền thấp  - Tỷ lệ nữ đúng tên trong sổ đỏ, tài sản quan trọng thấp(5% đến 9%)  **\*NT/KN:**  - 80% phụ nữ cho rằng công tác PCTT là của nam giới  - Chưa mạnh dạn, thiếu tự tin  - Chưa mạnh dạn tham gia vào công tác PCTT  - Nữ không biết bơi cao  -Chưa được tập huấn PCTT, SCC | **TCXH:**  - Có 01 nữ tham gia đội xung kích, 01 nữ tham gia lực lượng y tế  - Nữ là lực lượng chính tham gia vào công tác hậu cần, y tế, dọn dẹp sau thiên tai  - Vận động nhân dân sơ tán khi có thông báo  **\*NT/KN:**  - Vận động con em đến trường sau thiên tai  - Động viên, an ủi những hộ bị bị thiệt hại  - Có khả năng tuyên truyền, thuyết phục, vận động quyên góp | - Nguy cơ đuối nước  - Không dám tiếp cận công việc, tự ty  -Mất quyền quản lý tài sản | **TB** |
| 4 | Hải Phú | 180 | **\*TCXH:**  - Tỷ lệ nữ tham gia công tác PCTT thấp  - Bận việc gia đình,  Tỷ lệ nữ tham gia trong bộ máy chính quyền thấp  - Tỷ lệ nữ đúng tên trong sổ đỏ, tài sản quan trọng rất thấp(7% đến 15%) thấp  **\*NT/KN:**  - 75% phụ nữ cho rằng công tác PCTT là của nam giới  -Chưa mạnh dạn, thiếu tự tin  -Chưa mạnh dạn tham gia vào công tác PCTT  - Nữ không biết bơi cao  -Chưa được tập huấn PCTT, SCC | **TCXH:**  - Có 03 nữ tham gia đội xung kích, 01 nữ tham gia lực lượng y tế  - Nữ là lực lượng chính tham gia vào công tác hậu cần, y tế, dọn dẹp sau thiên tai  - Vận động nhân dân sơ tán khi có thông báo  **\*NT/KN:**  - Vận động con em đến trường sau thiên tai  - Động viên, an ủi những hộ bị bị thiệt hại  - Có khả năng tuyên truyền, thuyết phục, vận động quyên góp | - Nguy cơ đuối nước  - Không dám tiếp cận công việc, tự ty  -Mất quyền quản và kiểm soát tài sản lý tài sản | **TB** |
| 5 | Hải Đông | 223 | **\*TCXH:**  - Tỷ lệ nữ tham gia công tác PCTT thấp  - Bận việc gia đình,  Tỷ lệ nữ tham gia trong bộ máy chính quyền thấp  - Tỷ lệ nữ đứng tên trong sổ đỏ, tài sản quan trọng thấp(5% đến 10%)  **\*NT/KN:**  - 50% phụ nữ cho rằng công tác PCTT là của nam giới  -Chưa mạnh dạn, thiếu tự tin  -Chưa mạnh dạn tham gia vào công tác PCTT  - Nữ không biết bơi cao  -Chưa được tập huấn PCTT, SCC | **TCXH:**  - Có 02 nữ tham gia đội xung kích, 01 nữ tham gia lực lượng y tế  - Nữ là lực lượng chính tham gia vào công tác hậu cần, y tế, dọn dẹp sau thiên tai  - Vận động nhân dân sơ tán khi có thông báo  **\*NT/KN:**  - Vận động con em đến trường sau thiên tai  - Động viên, an ủi những hộ bị bị thiệt hại  - Có khả năng tuyên truyền, thuyết phục, vận động quyên góp | - Nguy cơ đuối nước  - Không dám tiếp cận công việc, tự ty  -Mất quyền quản lý và kiểm soát tài sản | **TB** |

## **Các lĩnh vực/ngành then chốt khác ( không )**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Lụt | Thôn … |  |  |  |  |  |
|  | Thôn…. |  |  |  |  |  |
| Bão | Thôn … |  |  |  |  |  |
|  | Thôn…. |  |  |  |  |  |
| …. | Thôn … |  |  |  |  |  |
|  | Thôn…. |  |  |  |  |  |
| …. | ***Ghi chú khác*** | | | | | |

# **Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp**

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | TTDBTT | | **Nguyên nhân** | **Giải pháp**  (tách biệt giải pháp cho Nam/Nữ nếu được) |
| 1.- Nhà bị đổ, trôi, hư hỏng | -Nhà ở vùng nguy sát biển, nơi nguy cơ sạt lở  -Nhà chưa an toàn, nhà tạm bợ  - Nhà cấp 4 đã xuống cấp  -Không chằng chống và chằng chống không đúng kỹ thuật | | - Do thiếu đất ở quy hoạch,  - Do còn thiếu hiểu biết về thiên tai và biến đổi khí hậu  - Do phong tục tập quán của người dân   * Do không tu bổ nâng cấp thường xuyên, * Thiếu kiến thức về xây dựng nhà an toàn * Thiếu kỹ năng chằng chống nhà * Chưa có điều kiện làm lại nhà mới * Chất lượng vật tư xây nhà chưa đảm bảo * Do chủ quan | Quy hoạch lại đất ở tại vùng an toàn  Di dời các hộ vùng nguy cơ sạt lở đến nơi an toàn  Chủ đông sơ tán  Tăng cường nâng cao nhận thức cho người dân về thiên tai và biến đổi khí hậu.  Xây mới nhà cho các hộ nghèo  -Nâng cấp, tu sửa thường xuyên những nhà xuống cấp,  - Tập huấn kỹ năng về chằng chống nhà cửa.  - Tìm kiếm, giới thiệu nguồn vật liệu tốt, giá thành hợp lý  Tăng cường tuyên truyền vận động |
| 2.-Thủy sản bị mất cao | | | - Nuôi trồng không đúng lịch thời vụ  - Đầm ao nằm ở vùng nguy cơ cao  - Bờ bao yếu  - Thiếu phương tiên bảo vệ  - Chủ hộ nuôi chủ quan | - Thiếu kiến thức nuôi trồng  - Không mua sắm mới  - Thiếu vốn  - Tuyên truyền còn hạn chế  - Hiểu biết về thiên tai hạn chế  - Chưa được tập huấn về thiên tai, BĐKH | -Xuống giống đảm bảo đúng lịch  - Thường xuyên gia cố nâng cấp bờ ao, hồ  \_ Tăng cường bổ sung trang thiết bị bảo vệ con nuôi  - Hỗ trợ vốn sản xuất  - Tuyên truyền thường xuyên  - Cảnh báo kịp thời  - Chủ động thu hoạch (nếu được) khi có cảnh báo và tận thu  - Tập huấn kiến thức, kỹ năng nuôi trồng  -Tập huấn kiến thức PCTT,BĐKH và nghiệp vụ nuôi trồng thủy sản  Vệ sinh ao, hồ  Phòng dịch cho tôm thường xuyên |
| 3.-Hệ thống điện và truyền thông bị hư hỏng và xuống cấp | | | -Số lượng đường điện và trạm điện bị xuống cấp nhiều,  -Hệ thống truyền thanh xuống cấp nghiêm trọng  - Nhiều loa chất lượng kém | - Cột đã xuống cấp  - Hệ thống điện và cột điện chưa được đồng bộ.  - Hệ thống đường dây kém  - Chưa được tu bổ, nâng cấp thường xuyên  - Không thay thế mới cột, loa | * Thay thế cột, dây mới. * Trang bị thêm loa nén và loa cầm tay * Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm dựa vào cộng đồng * Thường xuyên tu bổ hệ thống |

**TỔNG HỢP GIẢI PHÁP**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp**  **đề xuất** | **Hoạt động cụ thể** | **Địa điểm và**  **đối tượng hưởng lợi** | **Thời gian dự kiến** | | | **Nguồn NS dự kiến** | | |
| Ngắn hạn | Trung hạn | Dài hạn | Cộng đồng | Nhà nước | Nguồn khác |
| 1 | 3 | 2 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| Chuẩn bị tốt nguồn lục theo phương châm “5 tại chỗ” và đảm bảo phòng ngừa ứng phó thiên tai | Thành lập đội thanh niên xung kích và TKCN, phản ứng nhanh | Cấp xã, thôn | x |  |  | x | x |  |
| Mua sắm trang thiết bị bảo hộ cho lực lượng PCTT | lực lượng PCTT; cứu hộ cứu nạn | x | x | x | x | x | x |
| Tập huấn kỹ năng Tìm kiếm cứu nạn, sơ cấp cứu |  | x | x |  | x | x | x |
| Tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự khi có thiên tai. | Người dân | x | x | x | x | x |  |
| Củng cố hệ thống thông tin liên lạc cảnh báo | UBND, các thôn và người dân trong xã | x |  |  | x | x |  |
| Xây dựng các phương án sơ tán chi tiết, phù hợp cho cả nam và nữ đặc biết đối với các đối tượng dễ bị tổn thương |  | x |  |  |  | x |  |
| Phân công giao liên, liên lạc khi thông tin vô tuyến, hưu tuyến bị tê liệt |  | x |  |  | x | x |  |
| Chuẩn bị tốt các phương tiện, vật tư, trang thiết bị, hậu cần tối thiểu chuẩn bị ứng phó khi có thiên tai |  | x |  |  | x | x |  |
| Xin hỗ trợ phương tiện,trang thiết bị: áo phao,phao bơi,xuồng |  | x | x |  |  | x | x |
| Tập bơi cho cộng đồng trong vùng; lựa chọn đối tượng tập trung vào phụ nữ và trẻ em | Vùng dễ bị ngập, lụt | x | x |  | x | x |  |
| Vận động các hộ gia đình chuẩn bị tốt Phương châm 4 tại chỗ | Hộ gia đình | x |  |  | x |  |  |
| Bố trí cán bộ phụ trach Sơ cấp cứu và phòng dịch | Trạm y tế xã | x |  |  | x |  |  |
| Chuẩn bị đủ cơ số thuốc dự phòng và PCTT |  | x | x |  | x | x |  |
| Kiểm tra, tu sữa, trang bị thêm trang thiết bị sơ cấp cứu, tìm kiếm cứ nạn; |  | x | x | x |  | x | x |
| Xây dựng phương án cụ thể của đơn vị mình theo nhiệm vụ được giao | Các tổ chức đoàn thể, Trường học | x |  |  | x |  |  |
| Thành lập các tiểu ban PCTT và phân công công việc cụ thể |  | x |  |  | x |  |  |
| Tăng cường vai trò của phụ nữ trong hoạt động PCTT | Tập huấn cho cán bộ đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể, phụ nữ về giới, lồng ghép giới trong các hoạt động; | Hội PN xã, Phụ Nữ xã | x |  |  | x | x |  |
| Tập huấn kiến thức và các kỹ năng sơ cấp cứu, cứu nạn, bơi lội cho phụ nữ và trẻ em gái |  | x | x |  | x | x |  |
| Thành lập các nhóm phụ nữ làm công tác truyền thông PCTT từ xã đến thôn |  | x |  |  | x | x |  |
| Nâng cao khả năng bảo vệ ao, hồ, cho người dân trước gió bão | Xây dựng bến bãi đậu tầu thuyền trú ẩn an toàn | Người làm Ngư nghiệp |  |  | x |  | x | x |
| Cho ngư dân vay vốn đóng tầu mới |  |  | x |  |  |  |  |
| Tập huấn kiến thức cho ngư dân |  | x | x |  | x | x | x |
| Nâng cấp đường thôn | Người dân trong xã |  |  | x |  | x | x |
| Xây dưng các mô hình nuôi thủy sản và đánh bắt thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu |  |  |  | x |  | x | x |
| Nâng cao nhận thức của cộng đồng trong phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu | Tập huấn cho cán bộ xã và hộ ở vùng dễ bị tổn thương. | Người dân trên toàn xã | x |  |  | x | x | x |
| Tuyên truyền kiến thức về PCTT, Luật PCTT, Đề án 1002, kế hoạch PCTT của thôn, xã. | Người dân | x |  |  | x |  |  |
| Tổ chức các hoạt động cảnh báo; cắm biển cảnh báo tại các khu vực xung yếu và khu vực có nguy cơ cao xảy ra rủi ro | Nơi nguy cơ cao trong | x |  |  | x |  |  |
| Diễn tập ứng phó tình huống khẩn cấp | Tại các bản nguy cơ cao | x |  |  | x | x |  |
| Nạo vét kênh mương; Sửa chữa nâng cấp, xây mới kênh mương, kè ven biển | trong toàn xã |  | x | x | x | x | x |

1. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm ngành/lĩnh vực (\*)** | **Các giải pháp đề xuất (\*\*)** | **Địa điểm và đối tượng hưởng lợi** | **Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp**  **(\*\*\*\*)** | **Thời gian dự kiến** | | **Nguồn ngân sách dự kiến** |
| **Ngắn hạn** | **Dài hạn***)* |
| An toàn với người dân và cộng đồng nói chung và tách biệt giải pháp về giới | -Tăng cường tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức cộng đồng  -Tăng cường năng lục ứng phó cho phụ nữ, trẻ em  Nâng cao khả năng bảo vệ an toàn thuyền, ghe, ngư cụ cho ngư dân | Các thôn vùng lũ và tất cả các thôn đối với bão  Các thôn, trường học | - Chủ động sơ tán và có phương án sơ tán cụ thể  - Cảnh báo kịp thời cho cộng đồng,đặc biết là tình huống xả lũ bằng mọi hệ thống cảnh báo có thể  - Thống nhất tín hiệu cảnh báo cho trường hợp khẩn cấp trong toàn xã  - Nghiêm cấm đánh bắt thủy sản trên biển khi có bão , ATNĐ  -Tập bơi cho phụ nữ và trẻ em  - Tập huấn về PCTT cho cộng đồng | X  x | X  x | Cộng đồng |
| Hạ tầng công cộng | Gia cố, nâng cấp kè, mương thoát nước, đường, nhà văn hóa thôn | Toàn xã | - Sửa chữa nâng cấp kè  -Nâng cấp các hệ thống tiêu thoát nước  Cứng hóa đường nội đồng tôm |  |  |  |
| Nhà ở | Nâng cao khả năng chống chịu thiên tai và BĐKH cho các hộ DBTT | Trong toàn xã | Làm mới nhà cho các hộ nghèo và hộ vùng nguy cơ cao có nhà thiếu an toàn và nhà tạm  Tập huấn kỹ năng chằng chống nhà cho lực lượng xung kích  Tập huấn kỹ năng xây dựng nhà an toàn | x | x | CĐ, nhà nước và dự án |
| Giáo dục | Tăng cường an toàn cho GV,HS | Trường THCS | Tập huấn cho giáo viên, học sinh về PCTT, Bơi, SCC  Tích hợp PCTT vào các bài chuyên môn | x |  | CĐ, nhà nước |
| Chăn nuôi | phát triển, nâng cao chất lượng đàn bò, cải tạo chất lượng đàn theo hướng Sinh hóa. Từng bước chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi tập trung, trang trại theo mô hình CP gia trại, xa khu dân cư theo quy hoạch. | Toàn xã | - Phát triển đàn bò về số lượng, cải tiến chất lượng  -Đẩy mạnh chương trình nạc hoá đàn lợn,  - Khuyến khích và tạo điều kiện chăn nuôi lợn nái lai F1 và lợn nái ngoại, lợn thịt, gà vịt theo quy mô gia trại, trang trại | X | x | CĐ+ Nhà nước |
| Thủy sản | Triển khai đồng bộ các giải pháp để từng bước khắc phục hậu quả sự cố môi trường biển. Song song với chuyển đổi nghề nghiệp cho bà con ngư dân | Toàn xã | - Hướng dẫn chuyển giao khoa học kỹ thuật trong nuôi trồng thủy sản.  - Tiếp tục tăng cường công tác kiểm dịch chất lượng giống một cách chặt chẽ.  - Phối hợp với huyện tăng cường hướng dẫn, kiểm tra chất lượng con giống  -Gia cố ao, hồ nuôi tôm  - Ưu tiên hỗ trợ vốn tín dụng để đầu tư trang thiết bị nuôi thủy sản có hiệu quả  Nâng cấp phương tiện đánh bắt |  |  |  |
| Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm | Tăng cường hệ thống thông tin liên lạc, truyền thông và cảnh báo sớm | Toàn xã | - Làm mới các cột điện đã xuống cấp  - Mua sắm loa cầm tay  - Sửa chữa, thay mới hệ thống truyền thanh đã xuống cấp  - Thống nhất tín hiệu cảnh báo cho tình huống khẩn cấp  - Cắm biển cảnh báo nơi, điểm nguy hiểm | X | x | CĐ |
| Lĩnh vực Bình đẳng Giới (\*\*\*) | Tăng cường năng lực PCTT cho phụ nữ và trẻ em | Toàn xã | - Tăng thành phần nữ trong công tác PCTT cũng như các vị trí then chốt về Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể  - Mở các lớp tập huấn giành riêng cho nữ  - Mở lớp tập bơi cho phụ nữ và trẻ em | X | x | CĐ |

1. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã
2. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã

**Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã**

**TM UBND Xã**

**(đã ký)**

# **Phụ lục**

## **Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ tên (Nam/Nữ)** | **Đơn vị** | **Số điện thoại** |
| 1 | Hoàng Văn Tư | UBND xã | 0974962720 |
| 2 | Võ Tiến | UBND xã | 0915803676 |
| 3 | Phạm thị Thu Trang | UBND xã | 01686279355 |
| 4 | Hoàng Đức Vũ | UBND xã | 0988108007 |
| 5 | Hồ Khánh | UBND xã | 0984237697 |
| 6 | Trần Chống | Thôn Hải Nhuận | 0983980063 |
| 7 | Nguyễn Đức Minh | Thôn Hải Đông | 01676753003 |
| 8 | Hà Thúc Ánh | Thôn Hải Thành | 0985948094 |
| 9 | Huỳnh Tấn Thọ | Thôn Hải Phú | 0968442229 |
| 10 | Võ Ngọc Tào | Thôn Hải Thế | 01255212106 |

## **Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn**

Phụ lục 2.1 Lịch sử thiên tai

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lịch Sử thiên tai | | | | | | |
| Năm xảy ra thiên tai | Thiên tai | Đặc điểm, xu hướng của thiên tai | khu vực bị ảnh hưởng | Thiệt hại và mức độ thiệt hại | Nguyên nhân thiệt hại | các biện pháp phòng tránh và kinh nghiệm |
| 1999 | Nước biển dâng | Nước biển dâng cao 3m | Các nhà dọc bờ biển tại 5 thôn của xã | Kè bị sập 7 cái, đường hư hỏng 300m, nhà sập 7 cái | Kè xuống cấp, yếu  Nền đường mỏng, không đảm bảo yêu cầu. Nhà tạm bợ, ở sát bờ biển | Di dời người dân, dùng bao cát để gia cố kè, cấp phát lương thực cho người dân |
| 2017 | Sạt lở bờ biển | Sạt lở nhanh | Hải Phú, Hải Thế, Hải Đông | 1 nhà bãi tắm bị sập, 9 cổng chào bãi tắm bị sập, 2 hồ tôm vỡ đập  Hư hỏng 70m đường  Kè Hải Thế hỏng 150m  Kè Hải Đông hỏng 50 m | Nhà tạm bợ ở sát biển.  Đê đập yếu không đảm bảo.  Do người dân còn chủ quan | Di dời người dân.  Thống kê thiệt hại và khắc phục hậu quả.  Dùng bao tải cát gia cố đê  Hỗ trợ tái sản xuất  Liên tục báo cáo tình hình lên cấp trên |
| 2017 | Rét đậm, rét hại | Nhiệt độ thấp <13 oC | Toàn Xã | Hoạt động đánh bắt thủy hải sản bị ngưng trệ.  Tôm không phát triển.  Gia súc, gia cầm chết hàng loạt | Rét đậm, rét hại kéo dài.  Sức đề kháng của tôm yếu.  Chuồng trại không đảm bảo, chăm sóc không tốt. | UBND Xã cấp phát thuốc để phòng dịch. |
| 2017 | Nắng Nóng | Nhiệt độ 39-40 độ C kéo dài | Toàn Xã | Các dịch bệnh trong nuôi tôm gây thiệt hại 6 ha.  Ảnh hưởng tới sinh hoạt và đời sống của người dân.  Cháy rừng 2 ha | Tôm không thích nghi khi nắng nóng kéo dài.  Do người dân chủ quan đốt rác gây cháy rừng | UBND xã cấp thuốc phòng dịch |
| 1985 | Bão | Cường độ mạnh, khốc liệt. Gió mạnh cấp 12 giật trên cấp 12. | Toàn xã đều bị ảnh hưởng | 70% nhà bị đổ sập, tốc mái.  95% ghe thuyền bị hư hỏng và ngư lưới cụ của ngư dân bị trôi dạt và vùi lấp.  Rừng phòng hộ bị gãy đổ khoảng 95% | Nhà bán kiên cô và đơn sơ bị xuống cấp.  Khu neo đậu ghe thuyền không đủ đảm bảo an toàn.  Người dân vẫn còn chủ quan chưa nhận thức đúng đắn về mức độ thiệt hại do bão gây ra | UBND xã hỗ trợ lương thực cho người dân.  Tổ chức tổng vệ sinh môi trường toàn xã.  Di chuyển tàu thuyền vào khu tránh trú bão.  Dùng bao cát để trằng trống mái nhà.  Xây dựng kế hoạch và phương án trú ẩn, di dời .  Chủ động sơ tán trước khi bão tới |
| 2012 | Lốc xoáy | Cường độ mạnh | Thôn Hải Đông, phạm vi 100m | Khoảng 10 nhà bị tốc mái. | Nhà yếu, nhà bán kiên cố.  Lốc xoáy tới bất ngờ |  |
| 2012 | Sét | Bất ngờ | Toàn xẫ | Vật dụng điện, điện tử bị hư hại | Sét đánh bất ngờ gây thiệt hại tới các thiết bị điện, điện tử | Không cầm nắm vật dụng kim loại tránh bị sét đánh |

* 1. Lịch theo mùa

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thiên tai** | **Tháng (dương lịch)** | | | | | | | | | | | | **Xu hướng thiên tai** | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Bão, áp thấp nhiệt đới, nước biển dâng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Nhiều hơn, cấp độ mạnh hơn. | | |
| Rét đậm, rét hại |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Rét hơn, tăng hơn trước, kéo dài hơn. | | |
| Sét |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Tăng hơn trước. | | |
| Nắng nóng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Nhiều hơn, nhiệt độ cao hơn trước. | | |
| Sạt lở bờ biển |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Xảy ra thường xuyên hơn | | |
| Lốc xoáy |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Không thay đổi nhiều về tần suất nhưng mạnh hơn | | |
| **Mùa vụ SXKD** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **Ảnh hưởng của thiên tai** | **Tại sao** | **Các giải pháp** |
| Đánh bắt thủy sản |  |  |  |  | Nữ 0% |  |  |  |  |  |  |  | * Bão làm vỡ thuyền; mất ngư lưới cụ * Giảm thu nhập * Rét hại ngư dân phải ngừng hoạt động | * Cảnh báo không kịp thời * Ghe, thuyền thô sơ; * Thiếu bến đậu an toàn; * Thiếu kỹ năng neo đậu. * Người dân chủ quan | * Cảnh báo kịp thời; * Cấm biển khi có bão; * Có nơi neo đậu an toàn; * Nâng cấp phương tiện. * Tăng cưongf tuyên truyền * Thường xuyên theo dõi thông tin |
| Nuôi thủy sản |  |  |  |  | Nữ  10% |  |  |  |  |  |  |  | Bão, nước dâng làm ao hồ nuôi tôm bị vớ, làm hỏng hệ thống cấp thoát nước hồ tôm  Nắng nóng làm tôm chết | * Dịch bệnh ở tôm phát triển; * Bờ ao hồ thấp; * Nguồn tôm giống không đảm bảo * Nguồn nước bị ô nhiễm | * Tu bổ bờ ao, hồ, đường ống * Vệ sinh ao, hồ thường xuyên * Khử trùng bằng hóa chất clorin * Thu hoạch chủ động và tận thu sau thiên tai * Theo dõi nhiệt độ và con tôm trong ao thường xuyên |
| Chăn nuôi |  |  |  |  | Nữ 90% |  |  |  |  |  |  |  | Rét làm:   * Vật nuôi chết, chậm phát triển; * Dịch bệnh ở gia súc tăng.   Bão, lôc làm chuồng trại bị hư hại. | * Chuồng trại không đảm bảo. * Công tác phòng dịch chưa thường xuyên. * Chuồng trại thấp trũng. Mất vệ sinh * Chuồng trại tạm bợ. | * Chuồng trại đảm bảo tốt hơn, vệ sinh hơn.dự trữ thức ăn cho vật nuôi * Chủ động tiêm phòng đầy đủ cho vật nuôi. * Nâng cao nền chuồng. chủ động tiêm phòng * Tăng cường tuyên truyền cảnh báo bão. |

**2.3 . KẾT QUẢ SƠ HỌA BẢN ĐỒ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thiên tai | Xu hướng | Tình trạng dễ bị tổn thương | Năng lực phòng chống thiên tai | Rủi ro thiên tai |
| Bão | Mạnh hơn trước, kèm mưa to nhiều hơn | 169 nhà thiếu kiên cố (Hải Thế 25, Hải Thành 32, Hải Nhuận 25,  Hải Phú 38,Hải Đông 17), nhà tạm bợ 01 ( Hải Thế) , 6 nhà cấp 4 xuống cấp (Hải Phú 05, Hải Đông 01)  Nhà ở sát và gần sát mép biển 702 nhà (Thôn Hải Thế 114 hộ,Hải Thành 195 hộ, Hải Nhuận 146 hộ’ Hải Phú 96 hộ, Hải Đông 151 hộ) với 174 người già yếu, 887 trẻ dưới 12 tuổi, 115 người neo đơn  07 kè ven biển đều hư hỏng nặng không còn phát huy tác dụng  Toàn xã hiện có 59 thuyền máy, 19 thuyền chèo đều là thuyền nan với số lao động 315 lao động biển, thiếu phương tiện liên lạc với đất liền, thiếu phương tiện bảo hộ  Tổng diện tích quy hoạch nuôi trồng thủy sản 47,5 ha có bờ đầm yếu  Chuồng trại chăn nuôi tạm bợ  Hệ thống thông tin xuống cấp  Thiếu nơi neo đậu tầu thuyền  Người dân chủ quan  Số ít người ỷ lại và không nghiêm túc thực hiện lệnh sơ tán | Toàn xã có 682 nhà kiên cố,03 trường học, công sở và một số nhà thờ kiên cố có thể làm nơi trú ẩn an toàn  Số nhà đã chằng chống 82 nhà (Hải Thế 12, Hải Thành 24, Hải Nhuận 16,  Hải Phú 13,Hải Đông 17  95% số nhà có một gian kiên cố trú bão  Dọc ven biển của xã có 49,01 ha rừng phòng hộ  Xã có ban chỉ huy PCTT, các thôn có các tiểu ban, có các đội xung kích , xã, thôn, các trường đều có kế hoạch PCTT và có các phương án cụ thể cho từng tình huống khẩn cấp | Nhà đổ, tốc mái  Cơ sở hạ tầng hư hỏng  Các công trình PCTT bị hỏng  Thiệt hại về người  Phương tiện đánh bắt bị hư hại  Ao, hồ nuôi tôm, cá bị vỡ, cá tôm bị mất  Học sinh phải nghỉ học |
| Nước biển dâng | Nhiều hơntrước, nước dâng cao hơn | Toàn xã có 1215 hộ cần di dời khi có nước biển dâng (Hải Thế 214, Hải Thành 334, Hải Nhuận 267, Hải Phú 177, Hải Đông 223)  Tổng diện tích quy hoạch nuôi trồng thủy sản 47,5 ha có bờ đầm yếu  Chuồng trại chăn nuôi tạm bợ | Xã có ban chỉ huy PCTT, các thôn có các tiểu ban, có các đội xung kích , xã, thôn, các trường đều có kế hoạch PCTT và có các phương án cụ thể cho từng tình huống khẩn cấp  Có nhiều cồn cát cao xa bờ biển có thể làm nơi tạm trú ban đầu | Nhà bị trôi, ngập  Mất tài sản  Chết người  Bờ biển bị sạt lở, thủy sản bị mất  Môi trường bị ô nhiễm |
| Sạt lở đất | Nhiều hơn | Đường có nền đường bằng cát dễ bị sói lở, các ao, hồ, có bờ yếu  Toàn xã có 353 hộ cần di dời do nguy cơ sạt lở bờ biển (Hải Thế 53, Hải Thành 92, Hải Nhuận 66, Hải Phú 56, Hải Đông 86)  Người dân còn chủ quan | Xã đã có phương án di dời  Chủ động sơ tán khi có bão  Đã di chuyển đươc một số hộ đến nơi định cư mới an toàn | Người chết  Nhà bị sập  Mất diện tích đất ở  Đường bị hỏng  Ao, hồ bị vỡ |
| sét | Nhiều hơn | Hiểu biết của người dân về sét còn hạn chế |  | Chết người  Hệ thống điện, dụng cụ dùng điện bị hư hỏng |

2.4.ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Lĩnh Vực | Điểm Mạnh | Điểm Yếu |
| 1 | Năng lực bộ máy | Xã, thôn và các trường học có xây dựng kế hoạch PCTT  Có BCH PCTT cấp xã 27 người và mỗi thôn có 7 người  Có phân công nhiệm vụ, trách nhiệm của thành viên ban  Các tổ chức, đoàn thể xã thông tin kịp thời tới người dân  Đảm bảo hoạt động đều khi có thiên tai | Vẫn còn chủ quan trong công tác PCTT  Chưa phối hợp chặt chẽ và kịp thời giữa cáp xã và các thôn  Thiếu phương tiện, trang thiết bị cho hoạt động  Chưa xử lý kịp thời và hiệu quả việc khai thác titan dẫn đến làm tang nguy cơ thiên tai và thiệt hại |
| 2 | Hệ thống thôn tin cảnh báo | Hệ thống thông tin truyền thông toàn xã có 5 cụm loa( tổng cộng 10 loa)  100% người dân có tivi  95% người dân sử dụng Internet.  Cán bộ thôn nhiệt tình trong công tác PCTT.  Xã có lực lượng truyền thông xuống tới thôn  Cảnh báo kịp thời, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ làm | Thiếu loa cầm tay, phương tiện thô sơ,  Hệ thống truyền thanh xuống cấp, 100% loa đã kém chất lượng  Truyền thanh xã hoạt động không đều  Chưa có tín hiệu chung cho tình huống khẩn cấp |
| 3 | Công trình phòng chống thiên tai | Công sở, trường học, nhà thờ đều kiên cố có thể làm nơi trú ẩn an toàn,  100% đường thôn đã bê tông hóa. Các trạm điện hoạt động tốt  Các rừng phòng hộ ven biển phát huy tốt tác dụng  Có 7 kè dọc biển điều chỉnh dòng xoáy  Có nhiều cồn cát cao chắn sóng, chắn gió. | Đường tỉnh lộ 22 xuống cấp  Các kè ven biển đều hư hỏng nặng.  Chưa có đường cứu hộ, cứu nạn |
| 4 | Phương châm” 4 tại chỗ “ | Có đội xung kích ở 7 thôn gồm 35 người  Xã đã thực hiện tốt theo phương châm 4 tại chỗ  Có đủ lực lượng cơ động, an ninh, cứu hộ, cứu nạn, lực lượng y tế  Đã chuẩn bị tốt phương tiện, vật tư hậu cần  Đã hợp đồng ghi nhớ việc trưng dụng các phương tiện, vật tư, hậu cần với các chủ hộ | Một số bà con còn chủ quan, vật tư tại chỗ còn rất thiếu  Lực lượng PCTT thiếu phương tiện hoạt động, thiếu kỹ năng SCC, TK-CN…  Việc thực hiện phương châm 5 tại chỗ của người dân còn rất hạn chế |
| 5 | Nhận thức, kinh nghiệm, ý thức của người dân về PCTT | Đa số người dân có ý thức, kinh nghiệm về phòng chống thiên tai và chấp hành tốt khi xảy ra thiên tai.  Người dân chủ động theo dõi thời tiết,  Có tinh thần tương trợ giúp nhau trong thiên tai  Có ý thức chấp hành các quy định PCTT | Một số người dân còn chưa chấp hành sơ tán  Nhiều hộ còn chủ quan  Hiểu biết của người dân về thiên tai và BĐKH còn hạn chế |

**2.5. TỔNG HỢP KẾT QUẢ**

ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

**1. Tình hình thiên tai**

Xã Phong Hải hàng năm bị ảnh hưởng của nhiều loại hình thiên tai như bão, áp thấp nhiệt đới, nước biển dâng, nắng nóng,..nhưng điển hình, nghiêm trọng nhất là bão, và sạt lở bờ biển

- Các thiên tai xảy ra ở địa phương có các điểm chính như sau: .

*\* Bảng đánh giá thiên tai*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thiên tai** | **Tốc độ xảy ra** | **Tần xuất** | **Thời điểm xuất hiện** | **Thời gian kéo dài** |
| Bão , ATNĐ | Nhanh, mạnh, cường độ từ cấp 6 đến cấp 12 | 1-2 lần/năm | Tháng 9, 10,11 | 7-10 giờ |
| Nước biển dâng | Nhanh | Hàng năm | Tháng 9, 10,11 | Theo thời gian bão, ATNĐ, triều cường |
| Nắng nóng | Nhanh | Nhiều đọt trong năm | Từ tháng đến tháng | Nhiều ngày |
| Sạt lở đất | Nhanh, | Hàng năm đặc biệt là khi có bão,triều cường | Tháng 9,10,11 | Theo thời gian bão, gió mạnh, triều cường |
| Sét | Rất nhanh, vài giây | Hàng năm, | Tháng 4,5,6,7,8 | Vài giây |
| Lốc xoáy | Thất thường, mạnh hơn | 1 lần/năm | T4 đến tháng 7 | 10 đến 15 phút |
| Rét đậm rét hại | Nhanh | 2 đến 3 đợt / năm | Từ tháng 12, T1 ,T2 | Mỗi đợt 3 7 ngàyđến |

- Xu thế của thiên tai trong những năm gần đây có những thay đổi đáng kế cả về tần suất, cường độ, phạm vi, cụ thể như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại thiên tai** | **Nhận xét chung** |
| 1 | Bão, Áp thấp nhiệt đới | Xuất hiện ít hơn nhưng cường độ ngày càng mạnh hơn, không theo quy luật, đã có những đợt ATNĐ xuất hiện sớm |
| 2 | Rét hại | Số lần rét giảm, mức độ rét hại ngày càng tăng , kéo dài hơn. |
| 3 | Lóc xoáy | Nhanh không kéo dài nhưng nhiều hơn. |
| 4 | Nắng nóng | Nhiệt độ cao 39-40 độ C kéo dài hơn  Xảy ra ngày càng nhiều |
| 5 | Sét | Xảy ra nhiều hơn |
| 6 | Nước biển dâng | Cao hơn ( 3m) |
| 7 | Sạt lở đất | Nhiều hơn |

\* Những nhận xét trên cho thấy xu thế thiên tai như sau:

- Tần suất về số lần của nhiều loại hình thiên tai tăng

- Tần suất rét hại tăng, thời gian kéo dài hơn, nhiệt độ thấp hơn

- Ngập lụt xuất hiện nhiều hơn nhưng bất thường, trái mùa

- Số ngày nắng nóng, số đợt nắng nóng tăng nhanh, kéo dài Nhiệt độ cao 39-400C có thời điểm đạt 41 đến 420C kéo dài, xảy ra ngày càng nhiều,

Những bằng chứng trên chứng tỏ biến đổi khí hậu đã tác động mạnh đến tình hình thiên tai của địa phương.

**2. Tình trạng dễ bị tổn thương, năng lực phòng chống thiên tai, rủi ro thiên tai**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thiên tai | Đặc điểm, xu hướng thiên tai | TTDBTT | Năng lực PCTT | Rủi ro thiên tai |
| Rét đậm, rét hại | Nhiệt độ thấp <13 oC | Rét đậm, rét hại kéo dài.  Sức đề kháng của tôm yếu.  Chuồng trại không đảm bảo, chăm sóc không tốt. | UBND Xã cấp phát thuốc để phòng dịch. | Hoạt động đánh bắt thủy hải sản bị ngưng trệ.  Tôm không phát triển.  Gia súc, gia cầm chết |
| Nắng Nóng | Nhiệt độ 39-40 độ C kéo dài | Tôm không thích nghi khi nắng nóng kéo dài.  Do người dân chủ quan đốt rác gây cháy rừng | UBND xã cấp thuốc phòng dịch | Các dịch bệnh tôm.  Ảnh hưởng tới sinh hoạt và đời sống tăng nguy cơ sháy rừng |
| Bão | Cường độ mạnh, khốc liệt. Gió mạnh cấp 12 giật trên cấp 12.  Mạnh hơn trước, kèm mưa to nhiều hơn, nước biển dâng cao hơn | 40 nhà thiếu kiên cố (Hải Thế 20, Hải Nhuận 20,  nhà tạm bợ 01 ( Hải Thế) , 06 nhà cấp 4 xuống cấp (Hải Phú 05, Hải Đông 01); 5/5 nhà văn hóa thôn đã xuống cấp  Nhà ở sát và gần sát mép biển 702 nhà (Thôn Hải Thế 114 hộ,Hải Thành 195 hộ, Hải Nhuận 146 hộ’ Hải Phú 96 hộ, Hải Đông 151 hộ) với 174 người già yếu, 887 trẻ dưới 12 tuổi, 115 người neo đơn  Đặc biệt trong đó có 121 hộ cần di dời khẩn cấp khi có bão, nước biển dâng (Thôn Hải Thế 27 hộ,Hải Thành 29 hộ, Hải Nhuận 12 hộ’ Hải Phú 27 hộ, Hải Đông 26 hộ)  07 kè ven biển đều hư hỏng nặng không còn phát huy tác dụng  Toàn xã hiện có 58 thuyền máy, 20 thuyền chèo đều là thuyền nan với số lao động 315 lao động biển, thiếu phương tiện liên lạc với đất liền, thiếu phương tiện bảo hộ  Tổng diện tích quy hoạch nuôi trồng thủy sản 47,5 ha có bờ đầm yếu, gần bờ biển  Chuồng trại chăn nuôi tạm bợ  Hệ thống thông tin xuống cấp, 10/10 loa ở 5 thôn đều đã lâu, hỏng hóc liên tục  Thiếu nơi neo đậu tầu thuyền an toàn  Người dân vẫn còn chủ quan chưa nhận thức đúng đắn về mức độ thiệt hại do bão gây ra  Số ít người còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại và không nghiêm túc thực hiện lệnh sơ tán  Chưa phối hợp chặt chẽ và kịp thời giữa cáp xã và các thôn  Thiếu phương tiện, trang thiết bị cho hoạt động PCTT  Chưa xử lý kịp thời và hiệu quả việc khai thác titan dẫn đến làm tăng nguy cơ thiên tai và thiệt hại  Thiếu loa cầm tay, phương tiện thô sơ,  Truyền thanh xã hoạt động không đều  Chưa có tín hiệu chung cho tình huống khẩn cấp  Đường tỉnh lộ 22 xuống cấp  Chưa có đường cứu hộ, cứu nạn  Lực lượng PCTT thiếu phương tiện hoạt động, thiếu kỹ năng SCC, TK-CN..  Việc thực hiện phương châm 5 tại chỗ của người dân còn rất hạn chế  Hiểu biết của người dân về thiên tai và BĐKH còn hạn chế | Có BCH PCTT cấp xã 27 người và mỗi thôn có 7 người  Ban chỉ huy PCTT có phân công nhiệm vụ, trách nhiệm của thành viên cụ thể và đảm bảo hoạt động đều khi có thiên tai  Các tổ chức, đoàn thể , đội truyên thông của xã thông tin kịp thời cảnh báo sớm tới người dân, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ làm  Hệ thống thông tin truyền thông toàn xã có 5 cụm loa( tổng cộng 10 loa)  Khi nhận được công điện phòng tránh bão lụt của huyện, BCH PCTT&TKCN xã đã kịp thời thông báo cho toàn bộ ghe thuyền không được ra khơi, toàn bộ các phương tiện vào bờ neo đậu an toàn.  100% người dân có tivi  95% người dân sử dụng Internet.  Cán bộ thôn nhiệt tình trong công tác PCTT.  Xã có lực lượng truyền thông xuống tới thôn  Công sở, trường học, nhà thờ đều kiên cố có thể làm nơi trú ẩn an toàn,  Toàn xã có 870 nhà kiên cố  100% đường thôn đã bê tông hóa. Các trạm điện hoạt động tốt  Rừng phòng hộ ven biển phát huy tốt tác dụng  Có nhiều cồn cát cao chắn sóng, chắn gió  Có đội xung kích ở 5 thôn gồm 75 người  Xã đã thực hiện tốt theo phương châm 4 tại chỗ  Có đủ lực lượng cơ động, an ninh, cứu hộ, cứu nạn, lực lượng y tế  Đã chuẩn bị tốt phương tiện, vật tư hậu cần  Đã hợp đồng ghi nhớ việc trưng dụng các phương tiện, vật tư, hậu cần với các chủ hộ  Đa số người dân có ý thức, Người dân chủ động theo dõi thời tiết,  Có tinh thần tương trợ giúp nhau trong thiên tai  Có ý thức chấp hành các quy định PCTT  Công tác hậu cần được chuẩn bị đảm bảo: UBND xã đã ký dự trữ 03 tấn gạo, 100 thùng mì tôm, 50 lít dầu Diezen, 50 lít dầu hỏa, 50 lít xăng và một số thực phẩm cơ yếu khác; hướng dẫn nhân dân chủ động tự dự trữ hàng hoá, nhu yếu phẩm tối thiểu 7 ngày cho gia đình mình, không để thiếu đói khi lụt bão xảy ra | Nhà bị đổ sập, tốc mái.  Thuyền bị hư hỏng và ngư lưới cụ của ngư dân bị trôi dạt và vùi lấp.  Rừng phòng hộ bị gãy đổ  Cơ sở hạ tầng hư hỏng  Các công trình PCTT bị hỏng  Thiệt hại về người  Phương tiện đánh bắt bị hư hại  Ao, hồ nuôi tôm, cá bị vỡ, cá tôm bị mất  Học sinh phải nghỉ học |
| Lốc xoáy | Cường độ mạnh | Nhà yếu, nhà bán kiên cố.  Lốc xoáy tới bất ngờ | Chằng chống nhà  Nghe thời tiết | Nhà bị tốc mái., bị đổ  Cây bị gãy đổ |
| Sét | Nhiều hơn | Hiểu biết của người dân về sét còn hạn chế | Không cầm nắm vật dụng kim loại tránh bị sét đánh | Chết người  Hệ thống điện, dụng cụ dùng điện bị hư hỏng |
| Nước biển dâng | Nhiều hơntrước, nước dâng cao hơn  Nước biển dâng cao 3m | Toàn xã có 121 hộ cần di dời khẩn cấp khi có nước biển dâng (Thôn Hải Thế 27 hộ,Hải Thành 29 hộ, Hải Nhuận 12 hộ’ Hải Phú 27 hộ, Hải Đông 26 hộ)  Tổng diện tích quy hoạch nuôi trồng thủy sản 47,5 ha có bờ đầm yếu  Chuồng trại chăn nuôi tạm bợ  Kè xuống cấp, yếu  Nền đường mỏng, không đảm bảo yêu cầu Nhà tạm bợ, ở sát bờ biển | Xã có ban chỉ huy PCTT, các thôn có các tiểu ban, có các đội xung kích , xã, thôn, các trường đều có kế hoạch PCTT và có các phương án cụ thể cho từng tình huống khẩn cấp  Có nhiều cồn cát cao xa bờ biển có thể làm nơi tạm trú ban đầu  Chủ động di dời người dân khi có cảnh bao nguy cơ nước biển dâng  Để giảm bớt sạt lở, người dân dùng bao cát để gia cố bờ bao | Nhà bị trôi, ngập  Mất tài sản  Chết người  Bờ biển bị sạt lở, thủy sản bị mất  Môi trường bị ô nhiễm  Kè bị sập Đường hư hỏng |
| Sạt lở đất | Nhiều hơn  Sạt lở nhanh | Đường có nền đường bằng cát dễ bị sói lở, các ao, hồ, có bờ yếu  Toàn xã có 82 hộ cần di dời khi có nguy cơ sạt lở đất (Hải Thế 12, Hải Thành 24, Hải Nhuận 16, Hải Phú 13, Hải Đông 26)  Người dân còn chủ quan  Nhà tạm bợ ở sát biển.  Đê đập yếu không đảm bảo.  Do người dân còn chủ quan | Xã đã có phương án di dời  Chủ động sơ tán khi có bão  Đã di chuyển đươc một số hộ đến nơi định cư mới an toàn.  Thống kê thiệt hại và khắc phục hậu quả.  Dùng bao tải cát gia cố nơi nguy cơ sạt lở  Liên tục báo cáo tình hình lên cấp trên | Người chết  Nhà bị sập  Mất diện tích đất ở  Đường bị hỏng  Ao, hồ bị vỡ  Hồ tôm vỡ đập |

2.6. PHÂN TÍCH CÁC VÂN ĐỀ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | | TTDBTT | **Nguyên nhân** | **Giải pháp**  (tách biệt giải pháp cho Nam/Nữ nếu được) |
| Thuyền ghe , ngư lưới cụ bị mất | | Thuyền, ghe đánh bắt thủy hải không an toàn  Ngư dân chủ quan  Thiếu nơi neo đậu an toàn  Thiếu thông tin cảnh báo | * Tập quán đánh bắt lâu đời * Không có khả năng đóng thuyền lớn * Thiếu hiểu biết về thiên tai * Tuyên truyền chưa tốt * Không có địa điểm để xây dựng bãi an toàn * Thiếu bộ đàm | Tăng cường, nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc, tăng cường kiểm tra, giám sát, theo dõi hoạt động của các thuyền  Tập huấn nâng cao năng lực PCTT cho người dân. |
| Thủy sản bị mất cao | - Nuôi trồng không đúng lịch thời vụ  - Đầm ao nằm ở vùng nguy cơ cao  - Bờ bao thấp và yếu  - Thiếu phương tiên bảo vệ  - Chủ hộ nuôi chủ quan | | - Thiếu kiến thức nuôi trồng  - Rừng ngập mặn còn mỏng, thưa cây  - Không mua sắm mới  - Thiếu vốn  - Tuyên truyền còn hạn chế  - Hiểu biết về thiên tai hạn chế  - Cưa được tập huấn về thiên tai, BĐKH | -Xuống giống đảm bảo đúng lịch  - Thường xuyên gia cố nâng cấp bờ đầm  - Tăng cường bổ sung trang thiết bị bảo vệ con nuôi  - hỗ trợ vốn sản xuất  - Tuyên truyền thường xuyên  - Cảnh báo kịp thời  - Chủ động thu hoạch (nếu được) khi có cảnh báo  - Tập huấn kiến thức, kỹ năng nuôi trồng  - Trồng thêm và chắm dặm rừng ngập mặn  -Tập huấn kiến thức PCTT |
| Hệ thống điện và truyền thông bị hư hỏng và xuống cấp | -Số lượng đường điện và trạm điện bị xuống cấp nhiều, --Hệ thống truyền thanh xuống cấp  - Nhiều loa chất lượng kém | | * Cột đã xuống cấp * Hệ thống điện và cột điện chưa được đồng bộ. * Hệ thống đường dây kém * Chưa được tu bổ * Không thay thế mới | * Thay thế cột, dây mới. * Trang bị thêm loa nén và loa cầm tay |
| Nhà bị hư hại, sập đổ | - Nhiều nhà ở nơi nguy cơ cao  - Nhà xuống cấp  - Không chằng chống  - Nhà xây dựng chưa đúng kỹ thuật  - Nhiều nhà xuống cấp  - Nhiều nhà ở nơi nguy cơ cao  - Không chằng chống | | - Chưa có điều kiện để di dời  - Xây dựng trái phép  - Thiếu quỹ đất  - Hộ nghèo thiếu kinh phí  - Quản lý dất đai chưa nghiêm  - Không tu bổ thường xuyên  - Chất lượng vật liệu kém  - Xây dựng chưa đảm bảo kỹ thuật  - Chưa được tập huấn  - Không chằng chống  -Chủ quan  Kiến thức xây dựng nhà an toàn còn hạn chế  - Chưa được tập huấn kỹ năng xây dựng nhà an toàn  - Không tu sửa nâng cấp thường xuyên  - Nhiều hộ nghèo | - Thiết kế, XD nhà đúng kỹ thuật  - Giảm nhà xuống cấp  - Chằng chống nhà và chằng chống đúng kỹ thuật  - Tập huấn kỹ năng XD nhà an toàn và kỹ năng chằng chống nha  - Xây nhà cho hộ nghèo và hộ vùng nguy cơ cao  -Trồng rừng phòng hộ trên cát và RNM  -Nâng cao nhận thức về thiên tai và BĐKH  -Tuyên truyền còn hạn chế  - Tổ chức tập huấn  - Tổ chức diễn tập |

2.7. Tổng hợp kết quả xếp hạng rủi ro thiên tai

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Nội dung xếp hạng | Cụm thôn 1 | | Cụm thôn 2 | | Số người tham gia | | | Thứ tự ưu tiên |
| Nam | Nữ | Nam | Nữ | Nam | Nữ | Tổng |
| 1 | Thiệt hại về người | 2 | 0 | 3 | 2 | 5 | 2 | 7 | 6 |
| 2 | Thiệt hại về phương tiện ngư lưới cụ | 2 | 8 | 0 | 0 | 2 | 8 | 10 | 4 |
| 3 | Nhà bị đổ, hư hại | 4 | 5 | 2 | 5 | 6 | 10 | 16 | 2 |
| 4 | Rừng cây gãy đổ khi có bão, lốc | 1 | 0 | 0 | 1 | 1 | 1 | 2 | 9 |
| 5 | Vật nuôi bị chết | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 10 |
| 6 | Thủy sản bị bị mất, chết | 0 | 1 | 8 | 13 | 8 | 14 | 22 | 1 |
| 7 | Mất đất ở | 0 | 1 | 2 | 1 | 2 | 2 | 4 | 8 |
| 8 | Mất tài sản | 3 | 5 | 0 | 1 | 3 | 6 | 9 | 5 |
| 9 | Hệ thống điện, truyền thanh hư hỏng | 2 | 4 | 6 | 2 | 8 | 6 | 14 | 3 |
| 10 | Kè, đường bị hư hại | 2 | 2 | 0 | 2 | 2 | 4 | 6 | 7 |

2.9. XẾP HANG GIẢI PHÁP

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Nội dung xếp hạng | Cụm thôn 1 | | Cụm thôn2 | | Số người tham gia | | | Thứ tự ưu tiên |
| Nam | Nữ | Nam | Nữ | Nam | Nữ | Tổng |
| 1 | Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về thiên tai và BĐKH cho cộng đồng | 3 | 13 | 4 | 11 | 7 | 24 | 31 | 3 |
| 2 | Nâng cao khả năng tổ chức sơ tán dân trong tình huống khẩn cấp | 8 | 0 | 1 | 2 | 9 | 2 | 11 | 5 |
| 3 | Tăng cường khả năng bảo vệ thủy sản | 2 | 1 | 2 | 1 | 4 | 2 | 6 | 8 |
| 4 | Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong hoạt động PCTT | 1 | 2 | 3 | 1 | 4 | 3 | 7 | 7 |
| 5 | Sủa chữa , nâng cấp kè, cống, mương tiêu thoát mước | 4 | 13 | 5 | 13 | 9 | 26 | 35 | 1 |
| 6 | Nâng cao năng lực cho lực lượng phòng, chống thiên tai | 1 | 3 | 3 | 1 | 4 | 4 | 8 | 6 |
| 7 | Chuẩn bị nguồn lực theo phương châm 4 tại chỗ cho hoạt động PCTT | 4 | 7 | 6 | 5 | 10 | 12 | 22 | 4 |
| 8 | Nâng cấp hệ thống thông tin liên lac và cảnh báo sớm, điện sáng đảm bảo tốt cho công tác PCTT | 1 | 16 | 3 | 12 | 4 | 28 | 32 | 2 |

## **Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá**

1. Theo Quy định của các loại hình thiên tai được quy định trong luật PCTT [↑](#footnote-ref-1)
2. Nếu trường thuộc quản lý của huyện nhưng nằm tại thôn/xã này thì vẫn phải thống kê [↑](#footnote-ref-2)
3. Nếu có nhiều điểm trường thì phải thống kê từng điểm trường [↑](#footnote-ref-3)